

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Lí do chọn đề tài

Việt Nam với lịch sử hàng ngàn năm dựng nước và giữ nước, được tạo hóa ban cho khá nhiều tài nguyên, phần lớn diện tích lãnh thổ là đồi núi, có nhiều cảnh quan đẹp, những cánh rừng nhiệt đới cùng với hệ thống sông hồ tạo nên một bức tranh sơn thủy hữu tình.

Trải dài từ Bắc vào Nam, từ địa đầu tổ quốc Hà Giang tới mũi Cà Mau có tất cả 54 dân tộc anh em sinh sống. Tuy điều kiện tự nhiên, văn hóa, kinh tế có khác nhau nhưng cùng chung cội nguồn con rồng cháu tiên.

Trong cuộc sống hiện đại ngày nay, khi nền kinh tế đang trên đà phát triển mạnh mẽ, khi trình độ dân trí ngày càng được nâng cao thì nhu cầu đi du lịch là một trong những nhu cầu đang ngày càng tăng trong cuộc sống của con người. Đặc biệt là du lịch văn hóa, bởi loại hình du lịch này là cơ hội để trở về cội nguồn dân tộc, tìm hiểu những nét văn hóa đặc sắc, những tinh hoa của dân tộc.

Du lịch huyện Sa Pa thuộc tỉnh Lào Cai phát triển từ đầu thế kỉ 20. Tuy du khách tới đây chủ yếu thăm quan các thắng cảnh tự nhiên là chính, loại hình du lịch văn hóa vẫn còn hạn chế. Mà ở đây các dân tộc thiểu số sinh sống là chủ yếu với nền văn hóa phong phú đa dạng có nhiều nét hấp dẫn có thể đưa vào khai thác phục vụ trong du lịch. Nơi đây có khoảng 45000 dân, trong đó người H'mông chiếm 52% dân số. Huyện có 98 làng, thôn, bản thì có tới 61 làng người H'mông sinh sống. Tộc người H'mông ở Sa Pa có nhiều nét văn hóa đặc sắc về phong tục tập quán, văn hóa ăn mặc, văn hóa ẩm thực, tôn giáo tín ngưỡng. Tuy nhiên vẫn chưa được khai thác hết tiềm năng của nó để phát triển du lịch nâng cao mức sống cho người dân địa phương, đồng thời giữ gìn bản sắc văn hóa của các dân tộc nơi đây.

Là người sinh ra và lớn lên nơi đây, lại học ngành Văn hóa Du lịch nên em muốn tìm hiểu sâu hơn về văn hóa của tộc người H'mông để hi vọng góp phần nhỏ bé quảng bá nền văn hóa của người H'mông nói riêng và của các dân tộc thiểu số ở Sa Pa nói chung. Cũng như nhận thức được tầm quan trọng của văn hóa trong du

lịch đặc biệt là du lịch văn hóa. Từ thực trạng nền văn hóa của tộc người H'mông ở Sapa cùng với sự hướng dẫn của thầy giáo – Tiến sĩ Nguyễn Ngọc Khánh em đã chọn đề tài cho luận văn tốt nghiệp của mình là “Tìm hiểu văn hóa tộc người H'mông – Thực trạng và giải pháp khai thác phục vụ phát triển du lịch ở Sa pa”.

2. Mục đích nghiên cứu

Giới thiệu văn hóa của tộc người H'mông, tìm ra một số giải pháp nhằm bảo tồn giữ gìn khai thác nền văn hóa đó trong việc phát triển du lịch.

3. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục đích cần thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Thứ nhất: Hệ thống hóa một số cơ sở lí luận về văn hóa
- Thứ hai: Phân tích, nêu rõ thực trạng nền văn hóa của tộc người H'mông ở huyện SaPa
- Thứ ba: Đề xuất một số giải pháp chủ yếu nhằm gìn giữ và khai thác hiệu quả những giá trị văn hóa dân tộc người H'mông để phát triển du lịch tại Sa Pa

4. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu mà đề tài hướng tới là tìm hiểu các yếu tố văn hóa của người H'mông ở Sa pa để qua đó có thể khai thác các yếu tố văn hóa đó trong việc phát triển du lịch địa phương.

5. Phạm vi nghiên cứu

Phạm vi nghiên cứu của khóa luận được thực hiện tại huyện Sapa – Lào Cai, đề tài nghiên cứu về văn hóa, tác động của du lịch đối với dân tộc H'mông. Khả năng và điều kiện khai thác phát triển du lịch văn hóa của tộc người H'mông trên địa bàn Sapa.

6. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp nghiên cứu thực địa
- Điều tra xã hội học
- Phương pháp quan sát
- Phương pháp thu thập và xử lý thông tin

7. Bố cục

Ngoài phần mở đầu, kết luận, phụ lục và danh mục tài liệu tham khảo luận văn được kết cấu thành 3 chương:

Chương 1: Cơ sở lí luận chung về văn hóa

Chương 2: Hiện trạng phát triển du lịch văn hóa tộc người H`mông – Sapa – Lào Cai

Chương 3: Một số giải pháp nhằm gìn giữ và khai thác hiệu quả những giá trị văn hóa tộc người H`mong phục vụ phát triển du lịch ở Sapa

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN CHUNG VỀ VĂN HÓA, DU LỊCH

1.1. Những vấn đề về văn hóa

1.1.1. Định nghĩa văn hóa

Văn hóa là một khái niệm đa nghĩa. Thuật ngữ văn hóa được mọi người trên thế giới sử dụng rất phổ biến, nhưng để đi đến giải thích về văn hóa lại là một việc rất phức tạp. Các dân tộc đều có những quan niệm ít nhiều gần với nhau để hiểu về thuật ngữ văn hóa, chủ yếu là những điều được phản ánh qua nếp sống của họ.

Văn hóa (Culture) ngay từ nguồn gốc đã mang ý nghĩa khai phá, là cái đẹp mang tính giáo hóa con người, là hình thức tổ chức xã hội, là giá trị vật chất lẫn tinh thần do con người từng xã hội cụ thể tạo ra để chỉ trình độ phát triển về vật chất lẫn tinh thần nhằm phục vụ cho cuộc sống của họ. Tổ chức văn hóa- khoa học- giáo dục liên hiệp quốc (UNESCO) vào năm 1994 đã đề cập về văn hóa như sau: “ Văn hóa hôm nay có thể coi là tổng thể những nét riêng biệt tinh thần và vật chất, trí tuệ, xúc cảm quyết định tính cách của một xã hội hay của một nhóm người trong xã hội. Văn hóa bao gồm nghệ thuật và văn chương, những lối sống, những quyền cơ bản của con người, những hệ thống giá trị, những tập tục và những tín ngưỡng... Văn hóa đem lại cho con người khả năng suy xét về bản thân. Chính văn hóa làm cho chúng ta trở thành những sinh vật đặc biệt nhân bản, có lí tính, có óc phê phán và dẫn thân một cách đạo lý. Chính nhờ văn hóa mà con người tự thể hiện, ý thức được bản thân, tự biết mình là một phương án chưa hoàn thành đặt ra để xem xét những thành tựu của bản thân, tìm tòi không mệt mỏi những ý nghĩa mới mẻ và sáng tạo nên những công trình vượt trội lên trên bản thân, những vấn đề về văn hóa”.

Trong tiếng Việt, văn hóa được dùng theo nghĩa thông dụng để chỉ học thức, trình độ văn hóa, lối sống, nếp sống văn hóa. Theo nghĩa chuyên biệt văn hóa chỉ trình độ phát triển của một giai đoạn. Trong khi theo nghĩa rộng thì văn hóa bao gồm tất cả từ những sản phẩm tinh vi hiện đại cho đến tín ngưỡng, phong tục, lối sống, lao động... Chính với cách hiểu rộng này, văn hóa mới là đối tượng đích thực của văn hóa học.

Có rất nhiều định nghĩa về văn hóa:

“Văn hóa là sợi chỉ đỏ xuyên suốt toàn bộ lịch sử của dân tộc, nó làm nên sức sống mãnh liệt giúp dân tộc Việt Nam vượt qua bao sóng gió và thác ghềnh tưởng chừng như không thể vượt qua được để không ngừng phát triển và lớn mạnh” (Phạm Văn Đồng).

Trong cuốn cơ sở văn hóa Việt Nam, PGS-TS Trần Ngọc Thêm cho rằng “ Văn hóa là một hệ thống hữu cơ các giá trị vật chất và tinh thần do con người sáng tạo và tích lũy qua quá trình hoạt động thực tiễn, trong sự tương tác giữa con người với môi trường tự nhiên và xã hội”

Theo Edouard Herriot thì “ Văn hóa là cái gì còn lại khi người ta quên đi tất cả, là cái vẫn thiếu khi người ta đã học tất cả”

Ở Việt Nam, chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói: “ Vì lẽ sinh tồn cũng như mục đích của cuộc sống, loài người mới sáng tạo và phát minh ra ngôn ngữ, chữ viết, đạo đức, pháp luật, khoa học, tôn giáo, văn học, nghệ thuật, những công cụ cho sinh hoạt hàng ngày về mặt ăn, ở và các phương thức sử dụng. Toàn bộ những sáng tạo và phát minh đó tức là văn hóa.

Như vậy, văn hóa không phải là một lĩnh vực riêng biệt, văn hóa là tổng thể nói chung những giá trị vật chất và tinh thần do con người sáng tạo ra, văn hóa là chìa khóa của sự phát triển.

1.1.2. Những đặc trưng của văn hóa

- Văn hóa phải có tính hệ thống

Đặc trưng này cần để phân biệt hệ thống với tập hợp; nó giúp phát hiện những mối liên hệ mật thiết giữa các hiện tượng, sự kiện thuộc một nền văn hóa; phát hiện các đặc trưng, những quy luật hình thành và phát triển của nó.

Nhờ có tính hệ thống mà văn hóa, với tư cách là một thực thể bao trùm mọi hoạt động của văn hóa xã hội, thực hiện được chức năng tổ chức xã hội. Chính văn hóa thường xuyên làm tăng tính ổn định của xã hội, cung cấp cho xã hội mọi phương tiện cần thiết để ứng phó với môi trường tự nhiên và xã hội của mình. Nó là nền tảng của xã hội – có lẽ chính vì vậy mà người Việt Nam ta dùng từ chỉ loại “nền” để xác định khái niệm văn hóa (nền văn hóa).

- Đặc trưng quan trọng thứ hai của văn hóa là văn hóa có tính giá trị.

Văn hóa theo nghĩa đen nghĩa là “trở thành đẹp, thành có giá trị”. Tính giá trị cần để phân biệt giá trị với phi giá trị. Nó là thước đo mọi mức độ nhân bản của xã hội và con người.

Các giá trị văn hóa, theo mục đích có thể chia thành giá trị vật chất (phục vụ cho nhu cầu vật chất) và giá trị tinh thần (phục vụ cho nhu cầu tinh thần); theo ý nghĩa có thể chia thành giá trị sử dụng, giá trị đạo đức và giá trị thẩm mỹ; theo thời gian có thể phân biệt các giá trị vĩnh cửu và giá trị nhất thời. Sự phân biệt các giá trị theo thời gian cho phép ta có được cái nhìn biện chứng và khách quan trong việc đánh giá tính giá trị của sự vật, hiện tượng; tránh được những xu hướng cực đoan- phủ nhận sạch trơn hoặc tán dương hết lời.

Nhờ thường xuyên xem xét các giá trị mà văn hóa thực hiện được chức năng quan trọng thứ hai là chức năng điều chỉnh xã hội, giúp cho xã hội duy trì được trạng thái cân bằng động, không ngừng tự hoàn thiện và thích ứng với những biến đổi của môi trường, giúp định hướng các chuẩn mực, làm động lực cho sự phát triển của xã hội.

- Đặc trưng thứ ba của văn hóa là tính nhân sinh.

Tính nhân sinh cho phép phân biệt văn hóa như một hiện tượng xã hội do con người sáng tạo với các giá trị tự nhiên. Văn hóa là cái tự nhiên được biến đổi bởi con người. Sự tác động của con người vào tự nhiên có thể mang tính vật chất hoặc tinh thần.

Do mang tính chất nhân sinh, văn hóa trở thành sợi dây nối liền con người với con người, nó thực hiện chức năng giao tiếp và có tác dụng liên kết họ lại với nhau. Nếu ngôn ngữ là hình thức của giao tiếp thì văn hóa là nội dung của nó.

- Văn hóa còn có tính lịch sử

Nó cho phép phân biệt văn hóa như sản phẩm của một quá trình và được tích lũy qua nhiều thế hệ với văn minh như sản phẩm cuối cùng, chỉ ra trình độ phát triển của từng giai đoạn. Tính lịch sử tạo nên văn hóa một bề dày, một chiều sâu; nó buộc văn hóa thường xuyên tự điều chỉnh, tiến hành phân loại và phân bố lại các giá trị. Tính lịch sử được duy trì bằng truyền thống văn hóa. Truyền thống văn hóa là những giá trị tương đối ổn định được tích lũy và tái tạo trong cộng đồng

người qua không gian và thời gian, được đúc kết thành những khuôn mẫu xã hội và cố định dưới dạng ngôn ngữ, phong tục, tập quán, nghi lễ, luật pháp, dư luận...

1.2. Khái quát chung về du lịch

1.2.1. Định nghĩa du lịch

Theo LHQ các tổ chức lữ hành chính thức: Du lịch được hiểu là hành động du hành đến một nơi khác với địa điểm cơ trú thường xuyên của mình nhằm mục đích không phải để làm ăn, tức không phải để làm một nghề hay một việc kiếm tiền sinh sống

Tại hội nghị LHQ về du lịch họp tại Rôma – Italia(21/08 – 5/09/1963), các chuyên gia đã đưa ra định nghĩa về du lịch: “ Du lịch là tổng hợp các mối quan hệ, hiện tượng và các hoạt động kinh tế bắt nguồn từ các cuộc hành trình và lưu trú của cá nhân hay tập thể ở bên ngoài nơi ở thường xuyên của họ hay ngoài nước họ với mục đích hòa bình. Nơi họ đến lưu trú không phải là nơi làm việc của họ”.

Theo các nhà du lịch Trung Quốc thì: “ Hoạt động du lịch là tổng hòa hàng loạt quan hệ và hiện tượng lấy sự tồn tại và phát triển kinh tế, xã hội nhất định làm cơ sở, lấy chủ thể du lịch, khách thể du lịch và trung gian du lịch làm điều kiện”

Theo nhà kinh tế học người Áo Jozep Stander nhìn từ góc độ du khách thì: Khách du lịch là loại khách đi theo ý thích ngoài nơi cư trú thường xuyên để thỏa mãn sinh hoạt cao cấp mà không theo đuổi mục đích kinh tế.

Nhìn từ góc độ thay đổi về không gian của du khách: du lịch là một trong những hình thức di chuyển từ một vùng này sang vùng khác, từ một nước này sang một nước khác mà không thay đổi nơi cư trú hay nơi làm việc

Nhìn từ góc độ kinh tế: du lịch là một ngành kinh tế, dịch vụ có nhiệm vụ phục vụ cho nhu cầu tham quan giải trí nghỉ ngơi, có hoặc không kết hợp với các hoạt động chữa bệnh, thể thao, nghiên cứu khoa học và các nhu cầu khác.

Theo luật du lịch Việt Nam: du lịch là hoạt động di chuyển của con người ra ngoài nơi cư trú thường xuyên của mình nhằm thực hiện các nhu cầu vui chơi giải trí, nghỉ ngơi nghiên cứu trong một khoảng thời gian nhất định.

1.2.2. Ý nghĩa của hoạt động du lịch

Hoạt động du lịch là hoạt động nghỉ ngơi tích cực của con người. Hoạt động du lịch góp phần vào tái sản xuất sức lao động, giúp phục hồi sức khỏe cho con người. Nền sản xuất xã hội loài người ngày càng phát triển và hiện đại, đòi hỏi cường độ lao động, nhịp điệu sinh hoạt của con người ngày càng khẩn trương, căng thẳng. Thêm vào đó là môi trường công nghiệp hóa, đô thị hóa làm cho ô nhiễm không khí tiếng ồn gia tăng. Vì vậy hoạt động du lịch đáp ứng nhu cầu giải trí, chữa bệnh và nghỉ ngơi, tăng cường sức khỏe, nâng cao tuổi thọ cho con người.

Hoạt động du lịch là hoạt động nhằm nâng cao và làm phong phú hóa kiến thức của loài người và cũng là một hình thức học tập đặc biệt thông qua việc du lịch du khách sẽ thu thập nhiều kiến thức bổ ích, hoạt động du lịch là hoạt động rèn luyện đạo đức tinh thần cho con người. Hoạt động du lịch làm tăng thêm lòng yêu quê hương đất nước, yêu đời, yêu cuộc sống.

1.2.3. Du lịch văn hóa

Ta có thể hiểu “ Du lịch văn hóa là loại hình du lịch mà ở đó con người được hưởng thụ những sản phẩm văn hóa của nhân loại, của một quốc gia, một vùng hay của một dân tộc”.

Người ta gọi “Du lịch văn hóa” khi hoạt động du lịch diễn ra chủ yếu trong môi trường nhân văn. Hoặc hoạt động du lịch đó tập trung khai thác tài nguyên du lịch nhân văn, ngược lại với du lịch tự nhiên diễn ra nhằm thỏa mãn nhu cầu về với thiên nhiên của con người.

Du lịch văn hóa được thể hiện thông qua việc tham quan di tích lịch sử văn hóa, phong tục tập quán, lễ hội cũng như truyền thống của một địa phương, khu vực, các hoạt động du lịch văn hóa góp phần không nhỏ vào việc giáo dục lòng yêu nước tự hào dân tộc của mọi thế hệ.

Các đối tượng văn hóa được coi là tài nguyên du lịch đặc biệt hấp dẫn, nếu như tài nguyên du lịch tự nhiên hấp dẫn khách du lịch bởi sự hoang sơ, độc đáo và hiếm hoi của nó thì tài nguyên du lịch nhân văn thu hút khách bởi tính phong phú, đa dạng, độc đáo và tính truyền thống cũng như tính địa phương của nó. Các đối

tượng văn hóa của tài nguyên du lịch nhân văn là cơ sở tạo nên loại hình du lịch văn hóa phong phú.

Du lịch văn hóa chỉ thực sự có nội dung văn hóa khi gắn liền hoạt động của nó với kiến thức lịch sử xã hội liên quan đến tuyến điểm du lịch. Những di tích lịch sử văn hóa, lễ hội truyền thống, trò chơi dân gian, nghệ thuật ẩm thực ở địa phương.... Đó là bằng chứng xác thực nhất về đặc điểm văn hóa của mỗi nước, mỗi địa phương ở đó chứa đựng những gì thuộc về truyền thống tốt đẹp, tinh hoa và tâm hồn của một dân tộc. Nói như vậy không có nghĩa tất cả các giá trị văn hóa đều là sản phẩm du lịch văn hóa mà phải có sự chọn lọc, có điều kiện khai thác nó. Đồng thời việc khai thác phải gắn liền với việc bảo tồn, tôn tạo theo định hướng phát triển bền vững.

1.3. Môi quan hệ giữa văn hóa và du lịch

Thực ra việc tách văn hóa để phân tích mối quan hệ giữa nó và du lịch là một việc làm cần thiết song khó mà đề cập được đầy đủ. Văn hóa là một khái niệm rộng hầu như không có ranh giới rõ rệt giữa văn hóa và các lĩnh vực khác trong đời sống xã hội. Văn hóa thể hiện ở tác phong, thái độ tiếp xúc của một cá thể hay một cộng đồng khi tiếp xúc với môi trường xung quanh, như với các cá thể, cộng đồng khác, với thiên nhiên, với đồ đạc, với công việc...

1.3.1. Tác động của văn hóa đến du lịch

Các đối tượng văn hóa – tài nguyên du lịch nhân văn là cơ sở để tạo nên các loại hình du lịch văn hóa phong phú. Mặt khác nhận thức văn hóa còn là yếu tố thúc đẩy động cơ du lịch của du khách. Như vậy xét dưới góc độ thị trường thì văn hóa vừa là yếu tố cung vừa góp phần hình thành yếu tố cầu của hệ thống du lịch. Trong chừng mực nào đó, có thể xét mối quan hệ giữa du lịch và văn hóa thông qua một số phương tiện và sản phẩm văn hóa cụ thể.

Các sản phẩm văn hóa như tranh vẽ, điêu khắc, tượng nặn....tạo nên một động lực thúc đẩy quan trọng của du lịch. Tranh Đông hồ, tranh lụa... là những loại hình nghệ thuật mà du khách rất ưa thích. Khi đi Huế về hầu như ai cũng mua cho mình một chiếc nón bài thơ. Người đi nghỉ biển thường tìm mua một số tác

phẩm nghệ thuật được làm bằng các chất liệu có từ biển hoặc mô phỏng cuộc sống vùng biển.

Để làm vui lòng du khách người ta làm để bán hoặc tặng kỷ niệm những hàng thủ công hay sản phẩm của những nước, khu vực du khách đến thăm. Các đồ vật được mua ở các làng nghề truyền thống trở thành các vật lưu niệm giá trị hơn nhiều so với các hàng cùng loại bán ở các siêu thị.

Trình diễn dân ca và các loại hình văn hóa nghệ thuật truyền thống cũng như hiện đại cũng là một biểu hiện của văn hóa. Thực tế ở một số nước âm nhạc là nguồn chủ yếu để mua vui và làm hài lòng du khách trong các cơ sở lưu trú. Hòa nhạc, diễu hành và các lễ hội được du khách rất hoan nghênh. Các băng hình, băng nhạc mà khách có thể mua được là phương tiện rất hiệu quả nhằm duy trì, gìn giữ nền văn hóa của một địa phương.

Điệu nhảy dân tộc tạo nên một sức hút hết sức lôi cuốn, sôi động và mạnh mẽ của một nền văn hóa đối với du khách. Các hình thức và chương trình tiên hành đầy màu sắc, trang phục cổ truyền dân tộc, âm nhạc, điệu nhảy và trình độ nghệ thuật đã tăng thêm sức cuốn hút. Hầu hết các dân tộc đều có điệu nhảy của mình, các buổi biểu diễn khu vực và các chương trình công cộng khác cũng tạo nên nhiều cơ hội mới để duy trì và phát huy truyền thống văn hóa dân tộc.

Nền nông nghiệp của một khu vực có thể là mối quan tâm của du khách. Mô hình du lịch nông thôn làm cho du khách hòa mình vào cuộc sống của người nông dân vừa giúp cho du khách hiểu thêm về bản chất của nền văn hóa, vừa góp phần giúp những người nông dân mở mang nhận thức một cách trực tiếp.

Các thành tựu khoa học của một vùng hay một nước mặc dù có sức cuốn hút hạn chế hơn so với các khía cạnh văn hóa khác nhưng vẫn tạo thành một yếu tố quan trọng trong việc thúc đẩy du lịch. Sách, báo, tạp chí, các tác phẩm văn học... là những biểu hiện quan trọng của nền văn hóa của một nước. Du khách có thể đọc sách lịch sử, văn hóa, nghệ thuật và lối sống cổ truyền của nơi đến thăm. Những chương trình giải trí cho du khách bằng việc tổ chức các buổi đọc thơ hay thảo luận về các cuốn sách hay các tác phẩm văn học tại các thư viện trung tâm văn hóa... là những cơ hội để làm phong phú hiểu biết văn hóa đối với du khách.

Việc quan tâm đến ngôn ngữ của một dân tộc hay một quốc gia khác là một động lực thúc đẩy phát triển du lịch. Nước Pháp không chỉ thu hút du khách bởi cảnh đẹp thiên nhiên, bãi biển chan hòa ánh nắng, các công trình kiến trúc đẹp mà còn bởi các tác phẩm kiệt xuất, bởi tiếng Pháp. Người làm khoa học thường có nhu cầu biết hoặc ít nhất là nghiên cứu một hoặc hai ngoại ngữ. Như vậy tiếp xúc trực tiếp với môi trường ngoại ngữ như tiếp xúc trực tiếp với một nền văn hóa là một nhu cầu thúc đẩy con người đi du lịch.

Tôn giáo cũng có thể để lại nhiều dấu ấn đến văn hóa giao tiếp. Những người theo đạo sẽ tìm thấy sự yên tâm khi đến du lịch tại đất nước có tôn giáo của họ, họ cũng nhận được sự đồng cảm của người dân địa phương có cùng tôn giáo. Ngược lại sự hiềm khích, tranh chấp tôn giáo là một vật cản khó có thể vượt qua trong việc tổ chức hoạt động du lịch.

1.3.2. Tác động của du lịch đến văn hóa

- Tác động tích cực

Một trong những chức năng của du lịch là giao lưu văn hóa giữa các cộng đồng, quá trình giao tiếp này là môi trường tạo nên nền văn hóa phong phú đa dạng. Dưới góc độ kinh tế du lịch được coi là cứu cánh để vực dậy nền kinh tế ốm yếu của nhiều quốc gia đang phát triển hiện nay. Còn dưới góc độ văn hóa du lịch làm hồi sinh những giá trị văn hóa tưởng đã biến mất. Một số phong tục tập quán và các hoạt động văn hóa dân gian được phục hồi, các mặt hàng thủ công mỹ nghệ do sự mở rộng nhu cầu của khách du lịch được hồi sinh trở lại, các di tích kiến trúc lịch sử bị hỏng không được chăm sóc bảo tồn nhờ có du lịch mà được phục hồi, Các giá trị văn hóa lịch sử này đã lấy lại được sự sống nhờ vào hoạt động du lịch. Những chuyến du lịch tham quan tại các di tích lịch sử, các công trình văn hóa, các bản làng có tác dụng giáo dục tinh thần yêu nước, khơi dậy lòng tự hào dân tộc. Khi tiếp xúc trực tiếp với các thành tựu văn hóa của dân tộc, được sự giải thích của hướng dẫn viên du khách sẽ cảm nhận được giá trị to lớn của các di tích mà ngày thường họ không để ý tới.

Du lịch chính là điều kiện mở rộng mối quan hệ hợp tác, giao lưu. Du lịch có thể giúp cho du khách gặp gỡ mọi người từ khắp nơi trên thế giới, học hỏi từ

những nền văn hóa khác. Thông qua hoạt động du lịch du khách có thể biết được những tập tục truyền thống của các quốc gia, vùng miền khác nhau. Một trong những nét văn hóa đặc sắc riêng biệt của mỗi quốc gia đó là cách chào hỏi.

Du lịch tạo cơ hội cho du khách có nhiều thời gian dành cho người thân, thắt chặt tình cảm giữa những thành viên trong gia đình. Khi đi du lịch mọi người có điều kiện tiếp xúc với nhau, gần gũi nhau hơn. Những đức tính tốt như hay giúp đỡ, chân thành... mới có dịp được thể hiện rõ nét. Du lịch là điều kiện để mọi người xích lại gần nhau hơn. Như vậy qua du lịch mọi người hiểu nhau hơn, tăng thêm tình đoàn kết cộng đồng. Cũng chính nhờ có du lịch cuộc sống cộng đồng trở nên sôi động hơn, các nền văn hóa có điều kiện hòa nhập với nhau làm cho đời sống văn minh tinh thần của con người trở nên phong phú hơn. Thông qua các hoạt động tổ chức sự kiện như: giao lưu về ẩm thực, nghệ thuật, tổ chức các lễ hội... đã tạo điều kiện để các quốc gia có cơ hội giao lưu với nhau. Chẳng hạn trong “ liên hoan các món ngon năm 2008” được tổ chức tại khu du lịch Văn Thánh – tp. HCM, du khách đã được thưởng thức những món ngon của nhiều quốc gia. Đặc biệt Việt Nam đã có điều kiện giới thiệu món ngon của mình với bạn bè quốc tế. Vì vậy hoạt động du lịch góp phần nâng cao đời sống văn hóa tinh thần và tu dưỡng đạo đức cho con người.

Du lịch góp phần quảng bá giới thiệu hình ảnh, giá trị truyền thống văn hóa ra thế giới bên ngoài, là sợi dây vô hình gắn kết các giá trị văn hóa của các nền văn hóa với nhau.

- Tác động tiêu cực

Một trong những chức năng của du lịch là giao lưu văn hóa giữa các cộng đồng. Khi đi du lịch, du khách luôn muốn được thâm nhập vào các hoạt động văn hóa của địa phương. Song nhiều khi sự thâm nhập với mục đích chính đáng bị lạm dụng biến thành xâm hại. Ai đến Sapa cũng muốn được đi chợ tình song chợ tình Sapa một nét sinh hoạt văn hóa truyền thống của đồng bào dân tộc đang bị nhưng du khách tò mò ít văn hóa xâm hại bằng những cử chỉ thô bạo như rọi đèn vào cặp tình nhân, lật nón các thanh nữ để trêu ghẹo, xem mặt.. Mặt khác để thỏa mãn nhu cầu của du khách, vì lợi ích kinh tế to lớn trước mắt nên các hoạt động văn hóa

truyền thống được trình diễn một cách thiếu tự nhiên hoặc chuyên nghiệp hoặc mang ra làm trò cười cho du khách. Nhiều nhà cung ứng du lịch đã thuyết phục được dân địa phương thường xuyên trình diễn lại các phong tục, lễ hội cho khách xem. Nhiều trường hợp do thiếu hiểu biết về nguồn gốc của các hành vi lễ hội, người ta giải thích một cách sai lệch hoặc thậm chí bậy bạ. Như vậy những giá trị văn hóa đích thực của một cộng đồng đáng lý phải được trân trọng lại bị đem ra làm trò tiêu khiển, mua vui cho du khách. Giá trị truyền thống dần bị lu mờ do sự lạm dụng vì mục đích kinh tế.

Do chạy theo số lượng không ít mặt hàng truyền thống được chế tác lại để làm hàng lưu niệm cho du khách sản xuất cầu thả đã làm méo mó giá trị chân thực của truyền thống, làm sai lệch của một nền văn hóa bản địa.

Du lịch làm cho các tệ nạn mại dâm, cờ bạc gia tăng. Nạn mại dâm, nghiện hút, trộm cướp không phải do du lịch đẻ ra, trước khi du lịch phát triển nó đã tồn tại với những mức độ khác nhau nhưng không ai phủ nhận rằng du lịch làm cho tệ nạn mại dâm gia tăng đáng kể. Một trong những xu hướng ở các nước nghèo đón khách ở những nước giàu là người dân bản xứ, nhất là giới trẻ ngày càng chối bỏ truyền thống thay đổi cách sống theo một du khách. Có hai yếu tố được coi là nguyên nhân chính của hoạt động này. Một là trong hoạt động kinh doanh người dân bản xứ dùng chuẩn của du khách để làm vừa lòng họ nhằm thu hút tối đa lợi nhuận cho mình. Thứ hai là tư tưởng vọng ngoại, người dân bản xứ đánh giá cao lối sống của du khách, cho đây là biểu hiện của văn minh giàu có dẫn đến những biến đổi tiêu cực về tư tưởng và hành vi ảnh hưởng của hoạt động du lịch đến văn hóa và xã hội còn được thể hiện qua quan hệ giữa du khách và người dân địa phương. Nhìn chung theo thời gian, thái độ của dân sở tại đối với du khách từ tích cực sang tiêu cực. Vào giai đoạn đầu khi những du khách đầu tiên xuất hiện người dân địa phương tỏ ra vô cùng hào hứng, đón tiếp vô cùng nồng nhiệt song theo thời gian tình cảm nồng hậu mà du khách đón chờ giảm dần. Quan hệ tình cảm giữa du khách và dân địa phương ngày càng trở nên nguội lạnh và thay vào quan hệ tình cảm đó là quan hệ buôn bán. Đại đa số du khách được đón tiếp với nghi lễ xã giao.

Mỗi nền văn hóa đều có một số sự kiện lịch sử, lễ hội, tôn giáo riêng. Khi sự kiện được thay đổi để đáp ứng cho nhu cầu của du khách ý nghĩa của nó cũng mất đi. Ban tổ chức ở một số lễ hội đã quên cả nhiệm vụ làm lễ hội dành cho người ở địa phương mình là chính, để cùng nhau tưởng nhớ tổ tiên, ông bà, cùng nhau thưởng thức những nét đẹp tinh hoa trong văn hóa truyền thống của địa phương mình như những thứ đáng nhẽ phải rất văn hóa như hát quan họ ở Bắc Ninh kèm theo tiết mục xin tiền rất phản cảm nhiều lúc khách bỏ tiền vào coi trâu có nhiều liền anh liền chị quên cả hát để cảm ơn.

Vì tương lai phát triển du lịch lâu bền, ngành du lịch nói chung, người làm du lịch nói riêng phải tự đặt cho mình trách nhiệm góp phần thúc đẩy những quan hệ, tình cảm tốt đẹp sẵn có, ngăn chặn đẩy lùi những thái độ tiêu cực có thể nảy sinh đối với du khách.

Bảng: mối quan hệ biến động giữa các loại thái độ cư xử với du khách của dân cư địa phương

T hái độ	Chủ động		Thụ động
T ích cực	ủng hộ mạnh mẽ hoạt động du lịch và du khách	↔	Chấp nhận hoạt động du lịch và sự có mặt của du khách
	↑↓	x	↑↓
T iêu cực	Chống đối kịch liệt hoạt động du lịch và tỏ thái độ thù nghịch với du khách	↔	Lặng lẽ chống đối

1.4. Định hướng và giải pháp phát triển du lịch Việt Nam bền vững trên lĩnh vực văn hóa – xã hội

Du lịch đã tác động mạnh mẽ đến văn hóa xã hội vì vậy muốn phát huy các ảnh hưởng tích cực giảm thiểu các tác động tiêu cực cần định hướng xây dựng chiến lược phát triển du lịch bền vững ở nước ta. Định nghĩa về phát triển du lịch bền vững đã được hội đồng du lịch lữ hành quốc tế(WTTC) đưa ra năm 1996: “ Du lịch bền vững là việc đáp ứng nhu cầu hiện tại của du khách và vùng du lịch mà vẫn đảm bảo những khả năng đáp ứng nhu cầu cho các thế hệ du lịch tương lai . Từ định nghĩa của hội đồng du lịch và lữ hành quốc tế đưa ra năm 1996 đến nay vấn đề phát triển du lịch bền vững đã đề ra 3 yêu cầu cơ bản:

- Bảo đảm những hoạt động kinh tế sôi động lâu dài , đem lại lợi ích kinh tế, xã hội và phân phối công bằng hợp lý cho mọi thành viên, cho cả những cộng đồng nơi khách tới du lịch.
- Tôn trọng tính đa dạng văn hóa, tôn trọng bản sắc văn hóa của cộng đồng cư dân địa phương
- Sử dụng tài nguyên môi trường tối ưu nhằm phát triển du lịch , bảo tồn tài nguyên thiên nhiên và đa dạng sinh học.

Để phát triển du lịch Việt Nam bền vững cần tìm những giải pháp hạn chế những tác động tiêu cực cũng như cần tìm các biện pháp phát huy những tác động tích cực, góp phần phát triển du lịch nhưng vẫn giữ được nền văn hóa Việt Nam đậm đà bản sắc dân tộc.

Một số biện pháp để phát huy những tác động tích cực của du lịch đến văn hóa:

- Cần có chính sách khai thác sử dụng hợp lý các nguồn tài nguyên du lịch nhân văn để đảm bảo phát triển du lịch bền vững
- Đánh giá toàn diện của tiềm năng của tài nguyên và môi trường du lịch. Đặc biệt là các khu trọng điểm phát triển du lịch văn hóa, các vùng sâu vùng xa ta cần xây dựng hệ thống quản lý tài nguyên và môi trường du lịch. Cần thường xuyên theo dõi những biến động để có những giải pháp kịp thời khắc phục sự cố

- Lồng ghép đào tạo, giáo dục nâng cao nhận thức về bảo vệ tài nguyên du lịch nhân văn cho khách du lịch, cộng đồng dân cư thông qua các phương tiện thông tin đại chúng

- Hình thành một số sản phẩm du lịch văn hóa đặc sắc đặc trưng mang sắc thái riêng của Việt Nam có sức cạnh tranh với các sản phẩm của các quốc gia khác.

Các biện pháp hạn chế tác động tiêu cực của hoạt động du lịch đến văn hóa

Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến những tác động tiêu cực của du lịch đến văn hóa là trong chỉ đạo quản lý và sử dụng các tài nguyên du lịch, trong đó có tài nguyên du lịch nhân văn mới chỉ chú ý tới lợi ích trước mắt mà chưa quan tâm đến việc bảo vệ và tôn tạo. Mặt khác do chưa làm tốt việc giáo dục du lịch toàn dân nên không phải ai cũng hiểu được vị trí vai trò của du lịch. Đồng thời ý thức và thái độ của những cán bộ trong ngành cũng gây ảnh hưởng xấu đến văn hóa. Do đó cần cải tiến hoàn thiện và nâng cao hiệu quả của bộ máy quản lý tổ chức du lịch từ trung ương đến địa phương.

Một khi xã hội hóa càng rộng và sâu, xu thế toàn cầu hóa du lịch thì phải từng bước hoàn thiện thể chế du lịch đảm bảo vai trò lãnh đạo của Đảng tăng cường vai trò của nhà nước và khuyến khích mọi thành phần kinh tế tham gia vào việc tổ chức hoạt động du lịch đúng hướng hoạch định của quốc gia. Xây dựng và hoàn chỉnh hệ thống luật pháp về du lịch triển khai các pháp lệnh du lịch, xây dựng các văn bản pháp quy liên quan tạo cơ sở pháp lý đồng bộ cho quản lý du lịch.

Tổ chức bộ máy kiểm soát du lịch, nghiêm khắc tuân thủ chấp hành các quy định và chính sách của nhà nước của tổng cục du lịch, xử phạt nghiêm minh những tổ chức và cá nhân gây ra những hậu quả nghiêm trọng cho nền kinh tế văn hóa của quốc gia.

Tuyên truyền giáo dục đối với du khách, ý thức về tôn trọng bảo vệ bản sắc văn hóa, môi trường tự nhiên ở những nơi họ đến du lịch. Đồng thời giáo dục đội ngũ nhân viên du lịch về đạo đức nghề nghiệp.

Tiến hành giáo dục đối với dân cư địa phương để họ hiểu được ý nghĩa và vai trò quan trọng của ngành du lịch đối với sự phát triển kinh tế và xã hội ở địa phương mình, nâng cao tố chất tư tưởng và phẩm chất văn hóa, tăng cường phân biệt được đúng sai, đẹp xấu, lợi ích lâu dài chống những hành vi văn hóa lai căng.

Tiểu Kết Chương 1

Ngày nay, du lịch được xem là ngành kinh tế không khối quan trọng của nhiều quốc gia trên thế giới, trong đó có Việt Nam. Du lịch trở nên phổ biến và là nhu cầu không thể thiếu của con người khi đời sống tinh thần của họ ngày càng phong phú.

Văn hóa là cội nguồn, là tương lai của dân tộc, nó xác định chỗ đứng của một quốc gia dân tộc trên thị trường thế giới. Chính vì thế, muốn được thế giới biết đến mình thì một quốc gia cần phải xây dựng cho mình một nền văn hóa tiêu biểu, đậm đà bản sắc dân tộc. Hoạt động du lịch chính là một trong những phương tiện để thực hiện mục đích đó.

Chương 1 là những cơ sở lí luận, những tìm hiểu chung về văn hóa, du lịch và du lịch văn hóa. Trong đó đã tìm hiểu về các khái niệm văn hóa, đặc trưng của văn hóa, khái niệm về du lịch, du lịch văn hóa, mối quan hệ giữa du lịch và văn hóa. Đây là phân tổng quan về lí luận để đi tới tìm hiểu những vấn đề cụ thể của đề tài.

CHƯƠNG 2. HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN DU LỊCH VĂN HÓA TỘC NGƯỜI H'MÔNG HUYỆN SAPA TỈNH LÀO CAI

2.1. Khái quát chung về huyện SaPa tỉnh Lào Cai

2.1.1. Điều kiện tự nhiên

Sa Pa là một thị trấn vùng cao, là một khu nghỉ mát nổi tiếng thuộc huyện Sa Pa, tỉnh Lào Cai, Việt Nam. Nơi đây ẩn chứa nhiều điều kỳ diệu của tự nhiên, phong cảnh thiên nhiên với địa hình của núi đồi, màu xanh của rừng cây, tạo nên bức tranh có bố cục hài hoà, có cảnh sắc thơ mộng và hấp dẫn từ cảnh quan đất trời vùng đất phía Tây Bắc.

Lịch sử

Năm 1897, chính quyền thuộc địa Pháp quyết định mở một cuộc điều tra về người dân tộc thiểu số miền núi vùng cao. Những đoàn điều tra đầu tiên đến Lào Cai vào năm 1898.

Mùa đông năm 1903, trong khi tiến hành đo đạc xây dựng bản đồ, đoàn thám hiểm của Sở địa lý Đông Dương đã khám phá ra cảnh quan mặt bằng Lò Suối Tùng.

Năm 1905, người Pháp đã thu thập được những thông tin đầu tiên về địa lý, khí hậu, thảm thực vật... SaPa bắt đầu được biết tới với không khí mát mẻ, trong lành và cảnh quan đẹp. Năm 1909, một khu điều dưỡng được xây dựng. Năm 1917, một văn phòng du lịch được thành lập ở Pa và một năm sau, người Pháp bắt đầu xây dựng những biệt thự đầu tiên. Năm 1920, tuyến đường sắt Hà Nội – Lào Cai hoàn thành, Sapa được xem như thủ đô mùa hè của miền bắc. Tổng cộng người Pháp đã xây dựng ở Sapa gần 300 biệt thự.

SaPa bị tàn phá nhiều trong chiến tranh biên giới Việt - Trung 1979. Hàng ngàn ha rừng thông bao phủ thị trấn bị đốt sạch, nhiều toà biệt thự cổ do Pháp xây cũng bị phá huỷ. Vào thập niên 1990, SaPa được xây dựng, tái thiết trở lại. Nhiều khách sạn, biệt thự mới được xây dựng. Từ 40 phòng nghỉ vào năm 1990, lên tới 300 vào năm 1995. Năm 2003, SaPa có khoảng 60 khách sạn lớn nhỏ với 1.500

phòng. Lượng khách du lịch tới SaPa tăng lên từ 2.000 khách vào năm 1991 đến 60.000 khách vào 2002.

Nguồn gốc tên gọi

Tên Sa Pa có nguồn gốc từ tiếng Quan Thoại. Trong tiếng Quan Thoại phát âm là *SaPá* hay *SaPá* tức "bãi cát" do ngày trước khi có thị trấn Sa Pa thì nơi đây chỉ có một bãi cát mà dân cư bản địa thường họp chợ. Ngoài ra, Sa cũng có thể là cách nói lệch đi theo phiên âm tiếng Tàu là Sha (沙) cũng có nghĩa là Cát.

Từ hai chữ "Sa Pá", người phương Tây phát âm không dấu, thành *Sa Pa* và họ đã viết bằng chữ Pháp hai chữ đó thành "Cha Pa" và một thời gian rất dài sau đó người ta dùng "Cha Pa" như một từ tiếng Việt. Về sau, từ này viết được thống nhất là *Sa Pa*

Vị trí

Sa Pa nằm trên một mặt bằng ở độ cao 1500 đến 1650 mét ở sườn núi Lô Suây Tông. Đỉnh của núi này có thể nhìn thấy ở phía đông nam của Sa Pa, có độ cao 2228 mét. Từ thị trấn nhìn xuống có thung lũng Ngòi Dum ở phía đông và thung lũng Mường Hoa ở phía tây nam

Địa hình - Khí hậu

Nằm ở phía Tây Bắc của Việt Nam, thị trấn Sa Pa ở độ cao 1.600 mét so với mực nước biển, cách thành phố Lào Cai 38 km và 376 km tính từ Hà Nội. Ngoài con đường chính từ thành phố Lào Cai, để tới Sa Pa còn một tuyến giao thông khác, quốc lộ 4D nối từ xã Bình Lư, Lai Châu. Mặc dù phần lớn cư dân huyện Sa Pa là những người dân tộc thiểu số, nhưng thị trấn lại tập trung chủ yếu những người Kinh sinh sống bằng nông nghiệp và dịch vụ du lịch.

Sa Pa có khí hậu mang sắc thái ôn đới và cận nhiệt đới, không khí mát mẻ quanh năm. Thời tiết ở thị trấn một ngày có đủ bốn mùa: buổi sáng là tiết trời mùa xuân, buổi trưa tiết trời như vào hạ, thường có nắng nhẹ, khí hậu dịu mát, buổi chiều mây và sương rơi xuống tạo cảm giác lành lạnh như trời thu và ban đêm là

cái rét của mùa đông. Nhiệt độ không khí trung bình năm của SaPa là 15 °C. Mùa hè, thị trấn không phải chịu cái nắng gay gắt như vùng đồng bằng ven biển, khoảng 13 °C – 15 °C vào ban đêm và 20 °C – 25 °C vào ban ngày. Mùa đông thường có mây mù bao phủ và lạnh, nhiệt độ có khi xuống dưới 0 °C, đôi khi có tuyết rơi. Lượng mưa trung bình hàng năm ở đây khoảng từ 1.800 đến 2.200 mm, tập trung nhiều nhất vào khoảng thời gian từ tháng 5 tới tháng 8.

Thị trấn Sa Pa là một trong những nơi hiếm hoi của Việt Nam có tuyết. Trong khoảng thời gian từ 1971 tới 2011, 15 lần tuyết rơi tại Sa Pa. Lần tuyết rơi mạnh nhất vào ngày 13 tháng 2 năm 1968, liên tục từ 3 giờ sáng đến 14 giờ cùng ngày, dày tới 20 cm.

2.1.2. Dân cư

Đây là nơi sinh sống của cư dân 6 tộc người Kinh, H'Mông, Dao đỏ, Tày, Giáy, Xá Phó.

Các dân tộc ở SaPa đều có những lễ hội văn hóa mang nét đặc trưng:

- Hội *roóng pọc* của người Giáy vào tháng giêng âm lịch.
- Hội *sải sán* (đạp núi) của người H'Mông.
- Lễ *tết nhảy* của người Dao diễn ra vào tháng tết hàng năm.

Những ngày phiên chợ ở SaPa nhộn nhịp vào tối thứ bảy kéo dài đến chủ nhật hàng tuần. Chợ Sa Pa có sức hấp dẫn đặc biệt đối với du khách từ phương xa tới. Người ta còn gọi nó là "chợ tình Sa Pa" vì ở đây nam nữ thanh niên người dân tộc H'Mông, Dao đỏ có thể nhờ âm thanh của khèn, sáo, đàn môi, kèn lá hay bằng lời hát để tìm hay gặp gỡ bạn tình.

2.2. Dân tộc H'Mông ở SaPa

2.2.1. Lịch sử hình thành và bức tranh phân bố

Người H'mông trước đây còn được gọi là người mèo. Ở Trung Hoa trước đây gọi họ là Miêu, ở Lào gọi là Mẹo. Tại Việt Nam họ sinh sống tại những vùng núi cao từ 800m- 1700m so với mực nước biển. Cộng đồng H'mông bao gồm

nhiều nhóm địa phương: H'mông Đớ hay H'mông Đấu (H'mông Trắng), H'mông Đú (H'mông Đen), H'mông Jua (H'mông Xanh), H'mông Lênh (H'mông Hoa), Hmông Si (H'mông đỏ) , H'mông Súa (H'mông Hán), La Miao. Sự phân biệt giữa các nhóm chủ yếu dựa trên sự khác nhau về trang phục và ngôn ngữ.

Về tên gọi thì theo “ Danh mục các thành phần dân tộc Việt Nam” đã được Tổng cục Thống kê ra quyết định công bố ngày 2/3/1979 “ để sử dụng thống nhất trong các ngành, các cấp ở trung ương và địa phương trong cuộc tổng điều tra dân số”... Tại điều 2 có ghi rõ “ Những bản danh mục dân tộc nào trái với bản danh mục này đều bị bãi bỏ”. Theo đó, người có tộc danh chính thức là người H'mông. Từ sau quyết định nói trên, mọi ấn phẩm nghiêm túc đều viết theo danh mục của nhà nước.

Về nguồn gốc người H'mông hiện còn nhiều ý kiến khác nhau. Trong cuốn “ lịch sử người mèo”, học giả Savina cho rằng người H'mông xưa cư trú ở Xibêri- nơi quanh năm tuyết phủ, có 6 tháng ngày và 6 tháng đêm. Vào triều Hoàng đế- Trung Hoa thiên niên kỉ thứ 3 trước công nguyên, họ chuyển tới lưu vực sông Hoàng Hà, do xung đột với người Hán nên phải di cư về phương Nam.

Lại có ý kiến cho rằng người H'mông là một trong những tộc người nằm trong khối Bách Việt, có chung nguồn gốc với người Dao thuộc ngữ hệ Nam Á, nhóm ngôn ngữ H'mông- Dao. Tổ tiên của họ đã sớm biết trồng lúa nước ở vùng giữa hồ Bành Lãi và Động Đình thuộc nam Trung Hoa . Đến thế kỉ XIII sau công nguyên, hai tộc H'mông và Dao mới tách ra từ thế kỉ IX- XVI, người H'mông di cư về phía nam, tập trung ở Quý Châu- Trung Hoa, sau có một bộ phận di cư vào Việt Nam.

Trong một bài tạp chí gần đây, tác giả Vương Duy Quang khi viết về hiện tượng xung vua ở cộng đồng H'mông, có đề cập đến lịch sử xa xưa của tộc người này như sau:

“... dân tộc này đã từng là chủ nhân ở vùng lưu vực sông Hoàng Hà cách đây hơn 3.000 năm, với nền văn hóa lúa nước phát triển khá cao. Họ đã từng có nhà nước,

có chữ viết...Tuy nhiên sự bành trướng của người Hán đã đẩy họ ra khỏi quê hương xứ sở, phiêu bạt về phương Nam. Nhiều thế kỉ, dân tộc này liên tục nổi dậy chống lại người Hán nhằm tránh họa diệt vong và mong giành lại xứ sở của mình. Nhưng kết cục bi thảm của các cuộc khởi nghĩa càng đẩy người H'mông vào cảnh tha phương, ly tán để tới nay, với hơn 6 triệu người, chưa kể số ở Quý Châu, họ phải sống co cụm thành nhiều nhóm lớn, nhỏ rải rác khắp vùng biên giới năm quốc gia: Việt Nam, Lào, Campuchia, Trung Quốc, Myanma, Thái Lan và nhiều quốc gia khác trên thế giới”.

Hầu hết người H'mông ở nước ta đều có nguồn gốc từ tỉnh Quý Châu- Vân Nam(Trung Quốc) do 3 đợt thiên di lớn của tổ tiên họ vào Việt Nam.

Đợt đầu tiên có khoảng 80 hộ thuộc họ Vừ và họ Giàng, từ Quý Châu vào vùng Đồng văn, Mèo Vạc(Hà Giang), cách đây khoảng 300 năm.

Đợt thứ hai cách đây khoảng 200 trăm năm, có khoảng 100 hộ thuộc họ Vàng và họ Lý vào vùng Đồng Văn(Hà Giang) và khoảng 80 hộ thuộc các họ; Vàng, Lù, Châu, Sùng, Vừ, Mùa vào vùng Simacai(Lào Cai), một bộ phận qua miền Tây Bắc.

Đợt thứ ba đông hơn cả, họ đi theo các đường vào Hà Giang, Lào Cai và các tỉnh vùng Tây Bắc.

Người H'mông là một trong những dân tộc thiểu số có nhân khẩu tương đối đông ở nước ta. Theo kết quả điều tra dân số ngày 1/4/1999 thì dân số H'mông có 787.604 người cư trú chủ yếu ở các tỉnh miền núi như: Hà Giang, Lai Châu, Lào Cai, Sơn La, Điện Biên...

Có thể nói rằng người H'mông ở SaPa là một trong số ít các dân tộc đặt chân lên gồm ba nhóm địa phương: H'mông Trắng, H'mông Đen, H'mông Hoa.

2.2.2. Văn hóa dân tộc H'mông ở SaPa

2.2.2.1. Văn hóa vật thể

Theo Bách khoa toàn thư Việt Nam: “ Văn hóa vật thể là tất cả các sáng tạo hữu hình của con người mà xã hội học gọi chung là đồ tạo tác bao gồm nhà cửa, vũ khí, thức ăn,…”

- ***Kiến trúc***

Nhà ở của người H'mông là nhà trệt. Để chống gió, khí hậu lạnh, sương muối vùng cao, nhà của họ thường là nhà thấp, vững chắc, kín đáo. Nhà chủ yếu được dựng trên các triền núi, phía trước có suối, phía sau là núi che chở, xung quanh có thể trồng trọt và chăn nuôi gia súc.

Quy mô thường có ba gian hai chái, cửa chính mở ở gian giữa, cửa phụ mở ở hai gian bên hoặc đầu hồi nhà. Xung quanh nhà thưng ván, vách nứa, hoặc trình tường, mái lợp ván xẻ hoặc cỏ gianh. Nhà giàu thường làm khá rộng, cột gỗ kê đá tảng đểo hình đèn lồng hoặc quả bí, vừa tạo sự vững chắc, không sụt lún, nghiêng lệch, vừa không bị mủn, mọt do ẩm ướt.

Gian giữa là nơi thờ tổ tiên và để dụng cụ sản xuất. Tùy từng dòng họ mà bếp lò và buồng chủ nhà được đặt bên trái hay bên phải nhưng bao giờ buồng ngủ của chủ nhà cũng phải đặt cạnh “ cột ma” (cu ndêx đăng)- cột giữa của vỉ kèo thứ hai ngăn gian đầu hồi bên phải hoặc bên trái giữa. Hai gian bên, một bên là bếp lò và buồng ngủ, một bên là bếp khách, giường khách và có thể thêm một buồng ngủ, nếu gia đình có nhiều thế hệ cùng chung sống, phía trên là gác xép, nơi cất trữ lương thực. Một số gia đình còn làm kho lương thực bên ngoài nhà.

Cửa chính của ngôi nhà thường được treo một tấm vải đỏ hình chữ nhật, hoặc các tờ giấy bản có ý nghĩa cầu phúc. Một số nhà còn treo thêm ở trước cửa một chén nước nguồn tinh khiết bọc vải đỏ được múc vào ngày mừng một tết Nguyên Đán. Chén nước này sẽ được thay mới vào tết năm sau với ý nghĩa cầu mong bình yên, mát lành, phúc lộc đến nhà đầy đặn như chén nước ấy. Phía trước nhà là trường Trâu, Lợn, Gà, Ngựa, tổ ong nuôi và có kho để lương thực. Ở những địa hình tương đối bằng phẳng, đồng bào còn trồng rau sau nhà và dựng hàng rào phía trước.

Nhà thường được cất vào mùa khô(từ tháng 11,12 đến tháng 3,4 năm sau). Để thử xem nơi đất dựng nhà có lạnh không, người H'mông thường đào 3 hố sâu khoảng 40cm ở ba vị trí: Nơi định đặt bàn thờ tổ tiên(ma nhà), nơi sẽ để bếp lò, nơi sẽ làm bếp khách, rồi cho vào mỗi hố ba hạt gạo hoặc ngô. Hạt thứ nhất tượng trưng cho con người, hạt thứ hai tượng trưng cho gia súc, hạt thứ ba tượng trưng cho cây trồng(một số dòng họ còn cắm thêm một cây nhỏ chính giữa ba hạt gạo(ngô) sau đó úp bát lên để qua đêm).

Sáng hôm sau mở ra nếu hạt gạo (hoặc ngô), không bị thay đổi vị trí, không bị mốc, không bị kiến tha thì được coi là nơi đất tốt, có thể ở được. Nếu hạt gạo di chuyển ra xa thì là nơi đất xấu, nếu bị mất một hạt là rất xấu không thể ở được. Công việc này do chủ nhà thực hiện. Đối với những gia đình cầu toàn hơn, lọ mời thầy đến cúng để làm lễ xem đất.

Hướng nhà thường là hướng đông hoặc tây, theo quan niệm để làm ăn tốt. Ngày giờ dựng nhà phụ thuộc vào tuổi của chủ nhà. Đồng bào H'mông thường dựng nhà vào ngày chẵn, kiêng dựng nhà vào ngày lẻ. Giờ dựng nhà thường là 4giờ hoặc 6 giờ. Có những nhà còn mổ gà xem chân ngày, giờ dựng nhà.

Sau khi san nền, chọn hướng đi cho cửa chính và căn nền vuông vức, họ đào hố chôn cột con và dựng xà ngang, làm thành khung nhà. Khi dựng nhà khâu quan trọng nhất là dựng “ cột ma”. Trước khi dựng cột chủ nhà mổ lợn, gà để cúng “ cột ma”. Theo quan niệm của đồng bào, việc san nền, dựng cột phải chọn ngày, giờ tốt. Làm nhà xong thì làm lễ cúng “ma nhà” và “cột ma”. Chủ nhà phải là người đầu tiên đích thân nhóm lửa vào các bếp để khai mở cho cuộc sống ở ngôi nhà mới.

- ***Trang phục***

Trang phục của những dân tộc thiểu số vô cùng phong phú và thực sự khơi gợi sự tò mò của những người từng một lần được chiêm ngưỡng. Dưới đây là kiểu trang phục phổ biến của dân tộc Mông sinh sống tại Sapa.

Không giống các nhóm H'mông khác thường mặc váy nhóm dân tộc H'mông sinh sống ở Sapa lại mặc quần, cả đàn bà và đàn ông đều mặc quần, họ chỉ mặc váy khi chết hoặc vào các dịp đặc biệt.

Bộ trang phục nữ gồm có y phục (khăn, áo, thắt lưng, xà cạp, quần) và đồ trang sức.

Trong đó khăn là tấm vải vải chàm hình chữ nhật khổ 18 x 50cm. Áo của phụ nữ H'mông có hai loại: Loại áo mặc trong màu chàm, xẻ ngực. Các loại áo khoác ngoài cộc tay, thân dài, cổ áo thêu các loại họa tiết hoa văn kĩ hà theo mô típ các họa tiết cổ móc câu kép biến thể như họa tiết trang trí mặt trống đồng Đông Sơn.

Thắt lưng được làm bằng vải có tua ở hai đầu, giữa thêu các họa tiết hoa văn. Người còn sống thắt dải hoa văn về phía sau lưng. Khi chết thắt dải hoa văn về phía trước bụng

Quần của phụ nữ mông là quần lửng qua gối, bấp chân quần xà cạp bằng màu chàm

Đồ trang sức của phụ nữ khá phong phú, trong đó bao gồm: vòng khuyên tai to và vòng cổ, ngày thường thì đeo loại đơn, ngày lễ thì đeo loại kép có nhiều vòng biểu hiện của sự giàu có. Vòng cổ có hình hai đầu chim hoặc hai đầu rắn- Biểu tượng của vật tổ. Ngoài ra còn có vòng tay và xà tích.

Trang phục nam: Mũ bằng vải lanh hình quả dưa gồm tám miếng vải khâu ghép. Áo trong xẻ nách ngắn, áo ngoài dài. Cổ áo thêu hoa văn móc câu kiểu hoa văn đơn. Quần thì chàm màu đen ống rộng, đũng rộng.

Trang phục nữ mặc khi chết

Người H'mông khi về già đều chuẩn bị một bộ trang phục để khi chết sẽ mặc đẹp đi gặp tổ tiên.

Bộ trang phục nữ gồm có khăn, áo như ngày thường nhưng có thêm một áo khoác dài tay toàn bộ phía lưng vai, sau ống tay đều thêu, in sếp ong các băng dải hoa văn rực rỡ. Chiếc áo này thực sự là một tác phẩm nghệ thuật độc đáo. Nền vải

áo là vải lanh nhuộm chàm pha củ nâu tạo thành màu tím than. Nhằm tăng độ láng, bóng, tấm vải may áo được miết sáp ong mài trên đá.

Khi sang thế giới bên kia, người phụ nữ Mông phải mặc váy bằng vải lanh. Thân váy in hoa sáp ong, gấu váy thêu các hoạ tiết hoa văn khổ to, phối nhiều gam màu nóng: Đỏ, vàng, da cam tạo vẻ rực rỡ.

Trong cộng đồng các dân tộc thiểu số của chúng ta thường có quan niệm rằng một phụ nữ có khéo léo hay không, có chăm chỉ hay không thì chỉ cần nhìn vào bộ trang phục họ mặc trên người, nhìn vào đường kim mũi chỉ là biết được phẩm hạnh cũng như tính nết của thiếu nữ làm ra bộ trang phục đó.

Từ đây có thể thấy, bộ trang phục đối với phụ nữ dân tộc không chỉ có ý nghĩa phụ trang bình thường mà nó còn phản ánh của thế giới quan, phản ánh cả một nền văn hoá rất sâu sắc bên trong đó và rất cần những định hướng cụ thể để giúp đồng bào gìn giữ những kĩ thuật chế tác trang phục độc đáo của mình.

- ***Phương tiện vận chuyển***

Là cư dân sống trên vùng cao, địa hình hiểm trở, chia cắt mạnh, có sự đan xen giữa núi đất và núi đá nên giao thông gặp rất nhiều khó khăn. Người H'mông sử dụng sức người là chính trong giao thông vận chuyển. Khi lao động sản xuất, vận chuyển lương thực, hàng hóa thiết yếu phục vụ cuộc sống, đồng bào thường dùng cái gùi, cái địu hay mang vác trên vai. Bên cạnh đó họ còn sử dụng một phương tiện khá phổ biến nữa là con ngựa khi cần chuyên chở, những hàng hóa nặng, cồng kềnh, đi xa trên các địa hình phức tạp. Ngựa là con vật gần gũi và thân thiết với người H'mông hơn bất cứ con vật nào khác. Nó còn biểu hiện khả năng kinh tế của cá nhân hay gia đình.

Ngày nay do sự phát triển của kinh tế - xã hội nói chung và sự biến đổi trong đời sống ở vùng cao nói riêng mà đồng bào H'mông đã và đang sử dụng nhiều phương tiện cơ giới trong sinh hoạt. Tuy vậy sức người, sức ngựa vẫn là phương tiện vận chuyển chính của đồng bào H'mông ở SaPa.

2.2.2.2. Văn hóa phi vật thể

Theo từ điển tiếng Việt: “ Văn hóa phi vật thể là một bộ phận của văn hóa nói chung. Đó là toàn bộ kinh nghiệm tinh thần của nhân loại, của các hoạt động trí tuệ cùng các kết quả của chúng, bảo đảm xây dựng con người với những nhân cách, tác động dựa trên ý trí và sáng tạo. Văn hóa phi vật thể tồn tại dưới nhiều hình thức. Đó là những tục lệ, chuẩn mực, cách ứng xử... đã được hình thành trong những điều kiện xã hội mang tính lịch sử cụ thể, những giá trị và lý tưởng đạo đức, tôn giáo, thẩm mỹ, xã hội, hệ tư tưởng...”

- **Ngôn ngữ - chữ viết**

Cho đến nay chúng ta đều biết đến tiếng Mông là một ngôn ngữ nằm trong hệ ngôn ngữ Miêu-Dao (hay Mông-Miền). Nhưng trên thực tế vấn đề phân loại theo quan hệ họ hàng của ngôn ngữ này đã từng có nhiều ý kiến khác nhau. Một số nhà ngôn ngữ học xếp ngôn ngữ Mông thuộc nhánh Miêu-Dao trong hệ Hán-Tạng (trong đó phải kể đến các nhà khoa học Trung Quốc). Trong những ý kiến đáng chú ý ta còn phải kể đến Paul K. Benedict với quan điểm quy các ngôn ngữ trong khu vực thành 2 hệ cơ bản: Hán-Tạng và Nam Thái (*Austro-Thai*). Trong đó vị trí các ngôn ngữ Miêu-Dao được định vị trong hệ Nam Thái.

Còn André G. Haudricourt từng bước đem so sánh cả hệ thống thanh điệu và cả lớp từ vựng cơ bản giữa các ngôn ngữ Miêu-Dao với các ngôn ngữ của hệ Hán-Tạng và hệ Nam Á. Ông đã cho rằng "các ngôn ngữ Miao-Yao hình như tạo nên mối liên hệ giữa các ngôn ngữ Nam Á và các ngôn ngữ Tạng-Miền". Đây cũng chính là cơ sở để một hướng các nhà ngôn ngữ sau này không xếp các ngôn ngữ Miêu-Dao vào Nam Á hay Hán-Tạng mà là một họ ngôn ngữ độc lập vì những kiến giải của Haudricourt "không thuần túy là sự so sánh từ vựng mà là sự phục nguyên, một thao tác thể hiện tính quy luật của những chuyển đổi âm thanh". Kế thừa những nghiên cứu đi trước, Martha Ratliff đã đưa ra một bảng phân loại các ngôn ngữ Mông-Miền (hay Miêu-Dao) khá chi tiết trong đó tác giả đã định vị ngành Mông trắng (Mông Đơ) như sau:

- Hệ ngôn ngữ (*language family*): Mông-Miền (*Hmong-Mien*)

- Nhóm ngôn ngữ: Mông (*Hmongic*)
- Nhánh: thuộc các phương ngôn Tứ Xuyên - Quý Châu - Vân Nam (*Sichuan - Quizhou - Yunnan*), còn gọi là nhánh Mông phía Tây (*West Hmongic branch*)
- Tiểu nhánh: Tứ Xuyên - Quý Châu - Vân Nam
- Phương ngữ: Mông trắng (*White Mông*)

Trong cuốn từ điển *Bách khoa thư ngôn ngữ* đã phân các ngôn ngữ Hmong-Miền (hay Miêu-Đao) thành hai nhánh chính:

- Mông - gồm có: Dananshan Hmong, Hmong Đông, Hmong Bắc, Hmong Tây, Hmong Daw, Hmong Njua, Miao Đỏ, Pa Heng, Punu
- Miền (hay Dao) - gồm có: Ba Pai, Mien, Biao Mien, Iu mien, Mun, She
- **Văn học – nghệ thuật**

Người H'mông có kho tàng văn học dân gian phong phú với các thể loại như: Truyện ngụ ngôn, truyện cười, dân ca, trường ca (tiếng hát làm dâu, tiếng hát tình yêu, tiếng hát mò côi, tiếng hát cưới xin...), ca dao, tục ngữ, thành ngữ... phản ánh thế giới quan, nhân sinh quan và cuộc sống lao động, tranh đấu của dân tộc H'mông.

Qua một số truyện, nhất là qua bài “chỉ đường” (Khúa kê) có thể hiểu được ít nhiều về nhận thức vũ trụ, thế giới quan và nhân sinh quan, nguồn gốc dân tộc người H'mông. Theo quan niệm thì bầu trời, mặt đất, mặt trăng, các vì sao, con người, muông thú, cây cỏ đều do những đại diện trời sáng tạo và điều chỉnh. Hai anh em họ Hồ là tổ tiên của người H'mông, người Dao và loài người nói chung. Con người chết đi không sống lại được nhưng có thể đầu thai thành người hay sinh vật khác...

Ở vùng cao SaPa, việc sản xuất gặp nhiều khó khăn. Bên cạnh những anh hùng văn hóa, truyện dân gian H'mông thường đề cập đến những con người làm

lụng siêng năng, khỏe mạnh, biết đoàn kết với những con người tài ba, khắc phục thiên tai đem lại hạnh phúc cho con người. Nhiều truyện dân gian cũng chỉ ra những kinh nghiệm trồng, chăn nuôi, qua đó thấy rõ người H'mông là cư dân làm nghề nông từ lâu đời.

Các truyện dân gian còn phản ánh mặt xấu của xã hội, sự đau khổ của những đứa trẻ mồ côi, cách đối xử nghiệt ngã giữa chị dâu em chồng, những mù dè ghẻ độc ác, những tên quan tàn bạo. Đồng thời đề cao những người thông minh, tài giỏi xuất thân từ nhà nông, những mối tình duyên đẹp, những người chiến thắng bạo tàn bên vực chính nghĩa...

Những chuyện giải thích về hiện tượng đời sống vật chất và tinh thần của dân tộc H'mông cũng nhiều (làm ma, cúng mụ, phụ nữ không được lên sàn gác, cúng cột cái, múa khèn,...) được đồng bào nhớ như những điều chỉ dẫn trong sinh hoạt gia đình và cuộc sống nói chung.

Trong văn học dân gian của người H'mông, dân ca chiếm vị trí đáng kể. Dân ca có nhiều loại: Cúng ma, tình yêu, cưới xin, làm dâu...trong mỗi loại lại có những đề tài nhỏ. Nhiều bài dân ca mang nội dung tư tưởng tốt, cách diễn tả tế nhị, kín đáo, được lấy từ những hình ảnh gần gũi trong đời sống hàng ngày. Đặc điểm chung của những bài dân ca là không chỉ hát bằng lời mà còn có thể giải bày bằng tiếng khèn, tiếng đàn môi, kèn lá...các loại nhạc cụ này gắn bó chặt chẽ với dân ca. Nghe điệu kèn lá, đàn môi người ta có thể hiểu được nội dung truyền cảm của người sử dụng nhạc cụ. Trong dân ca không chỉ có những bài ngắn mà đã có những liên khúc dài nổi tiếng như “Tiếng hát làm dâu” được nhiều dân tộc biết đến. Mỗi người H'mông ít nhiều đều biết dân ca cũng như nhiều nam nữ thanh niên biết gảy đàn môi, thổi kèn lá rất điêu luyện.

Nhạc cụ của người H'mông khá độc đáo, có khèn, sáo và những nhạc cụ như kèn lá, đàn môi tuy giản dị nhưng lại phát ra những âm thanh kì bí, hấp dẫn. Khèn được sử dụng trong đám tang và một số nghi lễ trong gia đình. Những lúc đi đường

hay thời khắc nghỉ ngơi trong đêm, dưới ánh trăng sau một ngày làm lụng mệt nhọc, các chàng trai cũng hay cất lên những điệu khèn da diết. Đàn môi, kèn lá cũng là phương tiện trao đổi tâm tình của nam, nữ. khác với khèn bè, tiếng vang vọng trên cả một vùng núi non cao rộng, kèn lá, đàn môi chỉ tạo nên những âm thanh thâm thì cho từng người trong cuộc.

- ***Tín ngưỡng – tôn giáo***

Tín ngưỡng

Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên:

Đây là một tín ngưỡng quan trọng của đồng bào H'mông, trong đó thờ cúng ông bà, cha mẹ và những người đồng tộc đã khuất mà theo quan niệm của họ là những người trong phạm vi ba đời trở lại.

Khác với người Việt, người Tày, đa số các dòng họ người H'mông không lập bàn thờ tổ tiên riêng. Nơi thờ cúng chỉ là một tờ giấy hình chữ nhật gián trên vách hậu nơi gian giữa nhà. Một số dòng họ có lập bàn thờ ở chính giữa gian cúng, cách mặt đất từ 1 – 1.5m. Trang trí trên đó chỉ là tờ giấy bản và ba ống hương. Một số nhà còn thờ cúng tổ tiên ở “cột ma”.

Nơi thờ là chỗ thiêng, chỉ có chủ gia đình mới được cúng mời tổ tiên và con trai mới được đến gần. Người H'mông chỉ cúng tổ tiên vào dịp mừng năm mới, lễ cơm mới hoặc khi cúng chữa bệnh. Đối với linh hồn các bậc cha, ông, cụ..., con cháu tổ chức lễ cúng theo tục lệ tang ma như: lễ tiễn đưa hồn, lễ sửa mồ mả, lễ ma khô...Tổ tiên được coi là loại thiện thần (ma lành) luôn phù hộ con cháu. Tuy nhiên, đồng bào vẫn quan niệm nếu không thờ cúng phải đạo, tổ tiên cũng có thể trừng phạt, làm cho ốm đau. Người ta còn cho rằng đôi khi tổ tiên thiếu đói còn về đòi trâu, lợn.

Xã hội truyền thống ở đây cho rằng thế giới bên kia có một nơi dành cho tổ tiên cũng như con cháu dưới trần gian, cư trú theo dòng họ. Trong niềm tin cổ xưa,

người H'mông quan niệm hồn của người chết còn đầu thai vào con cháu, hồn của ông thường đầu thai vào thế hệ thứ ba trong dòng họ.

Hệ thống ma nhà:

Bên cạnh việc thờ cúng tổ tiên, người H'mông vẫn song song tồn tại một hệ thống “ma nhà” với những lễ thức cúng bái riêng biệt.

- ❖ Ma nhà (xuv cangz): là vị thần linh được người H'mông coi trọng nhất với quan niệm là vị thần cai quản không để tiền bạc, của cải mất mát, phù hộ gia đình làm ăn phát đạt, giữ gìn các hồn người trong gia đình, không cho hồn chạy lang thang ra ngoài. “ma nhà” còn được hiểu là vị thần kiêm tính mọi chức năng của tất cả các loại ma trong nhà.

Nơi thờ ma nhà đặt ở bức vách gian giữa, đối diện với cửa ra vào và trang trí rất đơn giản. Người H'mông cúng “ma nhà” vào dịp tết đón mừng năm mới, lễ cơm mới, lúc gia đình có người ốm đau, khi trông trọt hoặc chăn nuôi gặp vận hạn, cần trừ tà và cầu xin được phù hộ.

- ❖ Ma cột chính (cu ndex dangz): Đó là cây cột giữa của vỉ kèo thứ hai ngăn gian đầu hồi bên phải hoặc bên trái với gian giữa, tùy theo từng dòng họ. Người H'mông quan niệm “cột ma” là cột linh thiêng, người lạ không được dựa lưng vào cột ấy, không treo lên cột bất cứ thứ gì, không được gõ đập vào cột, mọi người luôn phải kiêng tránh gìn giữ.

Cột chính là nơi thờ “ma lợn” (buô dangz) – Nó tượng trưng cho sự hưng thịnh của gia đình, liên quan đến sức khỏe và vận mệnh của mọi người trong nhà. Cúng “ma cột chính”, theo quan niệm của đồng bào H'mông vượt qua hoạn nạn để tìm lại chữ viết đã mất.

- ❖ Ma cửa(khaor trôngx plangl): Đó là vị thần linh được quan niệm là chuyên việc canh giữ cửa, ngăn ngừa các ma ác vào nhà, bảo vệ gia súc, bảo vệ của cải, bảo vệ các linh hồn, giữ gìn không cho linh hồn của các thành viên trong gia đình bỏ đi.

Theo quan niệm của đồng bào, “ma cửa” thường ngự ở tấm vải đỏ dán trước cửa chính. Ma cửa thường được cúng vào dịp tết, khi có người ốm đau hoặc mất mát tài sản.

- ❖ Ma buồng: Theo quan niệm của người H'mông, ma buồng liên quan tới việc chăm sóc, bảo vệ sức khỏe trẻ thơ, phát triển đàn gia súc. Khi một đôi vợ chồng gia ở riêng có con đầu lòng và làm lễ đổi tên lót cho người bố, gia đình đó mới có tư cách và đủ điều kiện thờ ma buồng.
- ❖ Ma bếp lò(khaor txul): Ma bếp liên quan đến việc sinh nở của phụ nữ và luôn phù hộ cho việc chăn nuôi gia súc, gia cầm. Do đó tục kiêng dẫm chân lên bếp lò, kiêng làm hư hại lòng lò bằng đất, không được gõ và đánh vào bếp. Lúc lợn chữa thì kiêng không lấy tro trong bếp, muốn nhấc chảo cám ra phải để một hòn đá vào giữa bếp. Người ta tin rằng nếu không kiêng như thế thì lợn, gà, dễ bị dịch bệnh, phụ nữ khó đẻ hoặc đẻ quái thai, dị hình.
- ❖ Ma bếp lửa(khaor chuz): Vị thần linh này được quan niệm là có tác dụng tiêu diệt ác ma. Sau lễ gọi hồn, người ta ném vào bếp lửa những con sâu bọ-được coi là hồn bệnh tật. Ma bếp lửa còn được tin là cũng dễ gây ra ốm đau bệnh tật.

Thần thổ địa

Trong phạm vi làng, người H'mông thường thờ cúng thổ địa. Thần được thờ ở gốc cây to hoặc hòn đá lớn trong khu rừng cấm. Có khi thổ thần của làng chỉ là hòn đá to có hình thù kì dị. Việc thờ thần cây, thần đá là hiện tượng phổ biến của cư dân vùng Đông Nam Á. Tuy nhiên, không chỉ có thế, những anh hùng lịch sử, anh hùng văn hóa, những người có công khai phá vùng đất mới, có công lập làng khi qua đời cũng được dân làng suy tôn làm thần bản địa. Các vị thần này thường trú ngụ trong một mái đá, hang đá hoặc một gốc cây to trong rừng cấm.

Tôn giáo

Vật linh giáo:

Xã hội H'mông quan niệm con người và một số loài trong thế giới động thực vật đều có phần xác và phần hồn. Phần xác là thực thể hiện hữu, còn phần hồn rất quan trọng vì nó chi phối phần xác nhưng không thể tìm thấy.

Người H'mông còn tin chỉ người và các động vật lớn là có hồn còn các loài vật nhỏ bé như ruồi, muỗi là không có hồn. Trong thế giới thực vật, những cây trồng chủ yếu liên quan đến đời sống của người H'mông đều có hồn như cây lúa, ngô,

thuộc phiện... và các loại gỗ quý dùng để làm nhà. Loài vật càng đặc biệt thì hồn càng đáng sợ. Những gốc cây có hình thù kì dị thì đều có “tinh”, luôn bày những trò mà quái đản trêu chọc con người nên một số nơi người ta phải thờ cúng những “tinh linh” này.

Xã hội cổ truyền H'mong quan niệm mỗi con người đều có ba linh hồn (pli). Hồn chính ở đỉnh đầu (trong thóp). Với trẻ em, hồn rất yếu do đó phải kiêng không được xoa đầu trẻ. Hồn thứ hai ở rốn cai quản thân thể và nội tạng. Ở phụ nữ, hồn này yếu hơn nên thường hay đau bụng. Hồn thứ ba ở ngực, thường rất ít bỏ đi, khi bỏ đi bệnh sẽ nặng. Vì vậy, người H'mong hay thường đeo vòng vía, tượng trưng cho chiếc chìa khóa, được thầy cúng phù phép ngăn cản hồn đi đây đó.

Người ta tin rằng hồn liên quan đến sức khỏe và sinh mệnh của con người. Nếu một trong ba hồn rời khỏi cơ thể, con người sẽ bị ốm đau. Trường hợp một trong ba hồn ra đi, gọi không về sẽ dẫn đến cái chết.

Khi tắt thở, ba linh hồn sẽ rời khỏi thể xác và đi ba nơi khác nhau. Hồn thứ nhất sẽ bay lên trời về với tổ tiên. Hồn thứ hai cũng bay lên trời nhưng để thừa kiện với trời là tại sao trời bắt người phải chết, linh hồn này sẽ ở tầng giữa, gác mộ và hay về quấy nhiễu người khác.

Các quan niệm về linh hồn nói trên đã ảnh hưởng đậm nét đến việc thờ cúng tổ tiên, đến Sa man giáo – một loại hình tín ngưỡng phổ biến của người H'mong.

Sa man giáo:

Đây là hình thức tôn giáo chuyên biệt, có người chuyên nghiệp hành nghề, thường được gọi là thầy Sa man – những người được xem là có khả năng phù phép đắm mình vào trạng thái hôn mê, trực tiếp giao thiệp với thần linh.

Bốn phận chủ yếu của thầy Sa man là cầu cúng chữa bệnh, đi sang thế giới duỗi, tìm bắt hồn người ốm trở về. Ngoài ra, họ còn biết bói toán, đoán tìm của cải bị mất, chủ trì một số nghi lễ tôn giáo. Các thầy Sa man không chỉ là người cầu cúng chữa bệnh mà họ còn là những người am hiểu về luật lí, phong tục tập quán của người H'mong. Đó là những người có uy tín trong làng, từ việc chuyên nhà, làm lễ gọi hồn cho trẻ nhỏ, làm ma người chết... đều có sự hướng dẫn và tham gia của thầy Sa man. Thầy Sa man muốn giao tiếp được với thế giới bên kia phải có sự hỗ

trợ của tổ sư. Tổ sư được quan niệm là người hiểu biết về thế giới bên kia và có khả năng dẫn đường cho thầy cúng tìm hồn, trừ quỷ ác ma, giữ hồn người bệnh.

Mỗi thầy Sa man đều có bàn thờ riêng. Đó là một khối hình hộp chữ nhật dựng bên cạnh bàn thờ tổ tiên ở gian giữa. Ông tổ sư từ ngoài muốn vào bàn thờ hoặc thầy cúng muốn xuất thần du ngoạn sang thế giới bên kia phải qua cầu dẫn đường.

Cầu dẫn đường gồm ba cây tre dài nhỏ như cần câu đều còn lá. Một cây buộc ở chỗ giáp ranh giữa mái nhà và từ tiền đồng thời hướng về bếp lửa. Ba sợi dây leo vắt qua ba ngọn cây tre nối chúng với bàn thờ thầy Sa man. Những sợi dây leo này tượng trưng cho đường đi của tổ sư và hồn của thầy Sa man. Qua ba sợi dây leo và ba cây tre, thầy Sa man có khả năng đi từ thế giới bên này sang thế giới bên kia. Khi làm lễ, thầy Sa man ngồi trên một cái ghế dài, lắc lư đầu, tìm cảm giác vắng đất để dễ nhập đồng. Tấm ghế tượng trưng cho con ngựa thần. Nhờ ngựa này, thầy Sa man mới có khả năng đi sang thế giới bên kia.

Tìm hiểu các bài cúng của thầy Sa man, nhận thấy thế giới bên kia cũng đơn giản. Thế giới trên trời có Chử Lâu và các thần Sét, thần Mưa, thần Gió, thần Sương Mù. Các thần linh này có chức năng phán xét hồn người chết sẽ đầu thai thành người hay súc vật – tùy theo đạo đức của người khi còn ở thế gian. Trên trời có nơi ở của tổ tiên, có hoa thơm cỏ lạ...

Quan niệm về thế giới dưới mặt đất của người H'mong dưới mặt đất cũng thật đơn giản. Họ không có từ chỉ địa ngục. Với người H'mong, hình ảnh về thế giới bên kia chỉ là hố sâu trong lòng đất tối tăm. Những người sống ở trần gian không có nhân đức thì lúc chết hồn xuống thế giới bên kia phải lao động cực nhọc trong bóng tối.

Tô Tem giáo:

Hình thức tô tem giáo của người H'mong khá mờ nhạt, thường chỉ thấy một số vết tích trong huyền thoại như kiêng không ăn một số loài vật. Họ Hồ có huyền thoại bà mẹ khi nuôi dưỡng con cái nhưng bị họ hàng nhà chồng phụ bạc. Họ Vừ có chuyện kể về người đàn ông bị ốm nặng, sắp chết thì đến đêm có hai vợ chồng con nai tới bảo vệ. Từ đó họ Vừ coi loài nai là họ hàng và kiêng không ăn thịt nai. Họ Lầu, họ Sùng kiêng không ăn thịt gấu...

Như vậy, trong năm đặc trưng của Tô Tem (biểu tượng về vật tổ, huyền thoại về vật tổ, tục kiêng cử không ăn thịt vật tổ, nghi lễ liên quan đến vật tổ, niềm tin khi chết sẽ tái sinh trở lại kiếp của vật tổ) thì vùng người H'mong chỉ tìm thấy ba đặc trưng: huyền thoại về vật tổ, tục kiêng cử không ăn thịt vật tổ và niềm tin khi chết sẽ tái sinh trở lại kiếp của vật tổ. Nhưng những đặc trưng này chỉ thấy biểu hiện mờ nhạt, không có tính hệ thống. Phải chăng đây là những mảnh vụn còn rơi sót lại của Tô Tem giáo của cộng đồng người H'mong.

- **Phong tục- tập quán**

Sinh nở và nuôi con

Khi sinh nở, người H'mong thường sinh tại nhà trong buồng riêng của vợ chồng, do mẹ chồng đỡ. Mẹ ruột không được đỡ vì là người họ khác, nên người ta quan niệm nếu mẹ ruột có mặt trong lúc con gái sinh sẽ mang lại những điều không tốt cho gia đình đứa trẻ và sản phụ. Lúc trở dạ, sản phụ ngồi dưới đất, phía cuối giường, tay vịn vào thành giường, người đỡ vào phía sau. Nếu khó đẻ, người nhà luộc cho sản phụ một quả trứng gà để ăn một nửa và bóp chân một nửa.

Trong một tháng đầu, sản phụ chỉ ăn cơm với thịt gà hoặc thịt lợn nạc. Một tuần sau khi đẻ sản phụ mới được tắm xong phải kiêng giặt giũ trong một tháng. Qua tháng đầu, sản phụ có thể làm những việc nhẹ nhàng như giặt giũ, nấu cơm. Sau hai tháng họ đi làm nương như bình thường.

Trong ba ngày trước khi làm lễ đặt tên, trẻ sơ sinh chưa được mặc áo vì theo quan niệm bé chưa có hồn (nên nếu thời gian này đứa trẻ sơ sinh không sống được thì không phải làm tang). Hai mẹ con không được nằm ngủ trên giường mà phải trải rơm nằm cạnh bếp lò và nấu ăn riêng.

Đến ngày thứ ba, gia đình làm lễ đặt tên – ru hồn (gênh pli) cho bé. Lúc này, gia đình mời một người hiểu biết về phong tục, có đầy đủ con cháu về làm lễ đặt tên. Người này sẽ ôm một đôi gà (một con trống, một con mái) cầm một bát gạo,

một quả trứng, thắp ba nén hương ra đứng ngoài hiên trước cửa chính ru hồn cho đứa bé. Khi kết thúc phần ru hồn thì đem ba nén hương cắm vào cột chính nếu là con trai, cắm vào buồng nếu là con gái. Sau đó người ta làm lễ người tên với nghi thức cầm thìa gỗ và chén mời tổ tiên ăn trước, rồi mời tất cả mọi người nên mâm ăn. Đứa bé lúc này mới được vào mâm ngồi cùng mọi người coi như trở thành thành viên chính thức trong gia đình. Khi đã uống được ba chén rượu, chủ nhà lấy hai cái chén rót ra cho từng người uống, báo cho từng người biết cái tên mình đã nghĩ sẵn để đặt cho đứa bé mới sinh. Nếu mọi người và cả nội ngoại đồng ý thì cùng uống cạn. Tiếp đó lấy chiếc áo do người mẹ khâu mặc cho đứa bé. Lúc này đứa bé mới chính thức trở thành một con người thực thụ. Và hai mẹ con có thể vào buồng và lên giường nằm nghỉ.

Đứa trẻ đầy tháng người ta làm lễ ru hồn một lần nữa. Lúc này ông bà ngoại sẽ tặng một cái địu (nếu bố mẹ không còn thì người chị gái sẽ tặng thay).

Đứa bé từ khi lọt lòng tới khi đầy tháng mà không khỏe mạnh thì mời thầy cúng về đuổi tà mà. Nếu bói thấy cần phải làm lễ sinh nhật hoặc lễ đeo vòng bạc thì khi đầy tháng mời thầy cúng về đeo vòng bạc cho bé. Và cứ đến ngày đó hàng năm lại làm lễ sinh nhật, mời người thân thích đến chúc sức khỏe cho bé.

Khi đứa bé tròn một tuổi, bố mẹ làm lễ tạ ơn ông bà ngoại, hiến sinh một con lợn khoảng 50 kg mới hai bên họ hàng đến ăn mừng cho đứa trẻ và đặt tên đệm “già” cho bố đứa trẻ. Lễ này gọi là lễ tạ ơn cái địu.

Cưới xin

Cưới xin là một việc trọng đại trong đời sống. Ở người H'mông nam, nữ thanh niên hẹn hò, gặp gỡ nhau thông qua các phiên chợ, dịp lễ tết...qua đó làm quen, thổ lộ tình cảm. Vào các đêm trăng, các chàng trai H'mông thường kéo thành từng tốp, mang theo khèn sang nhà bạn gái để gửi gắm tâm tình. Khi đã tìm được người ý hợp tâm đầu, các chàng trai thường mang kèn môi đến sau vách nhà cô gái “nói chuyện”, nghe tiếng nhạc cô gái mời chàng trai vào nhà tâm sự.

Trong khi tìm hiểu, người con trai tặng người con gái kỉ vật để làm tin. Nếu trong ba ngày kỉ vật không bị trả lại là người con gái đã ưng thuận, thì sẽ chuẩn bị cho việc cưới xin.

Chuẩn bị: Khi chàng trai và cô gái đã có tình yêu, chàng trai về thưa chuyện với bố mẹ và mọi người trong gia đình lập kế hoạch *kéo dâu*. Mọi chuyện được tính toán trong bí mật, gia đình nhà gái không hề hay biết điều gì, cô gái vẫn đi lấy củi, đi nước, làm nương. Rồi một ngày như đã hẹn chàng trai xuất hiện ở nhà nhà gái. Theo kế hoạch, đang lúc tâm sự thì bạn của Chàng trai đến giúp anh kéo cô gái về nhà.

Sau khi mang được người yêu về nhà, gia đình nhà trai mổ gà để làm lễ quét phép. Đồng thời gia đình nhà trai mời một người hàng xóm sang ăn cơm để chứng kiến việc kéo vợ và ngày hôm sau, người hàng xóm này mang 1 chai rượu, một đôi gà đến thông báo cho nhà gái biết rằng con gái nhà mình đã đi với Chàng trai đó.

Sau 3 ngày từ khi cô gái được kéo về ở nhà chàng trai, nếu cô gái không đồng ý, cô sẽ mời chàng trai uống 1 bát rượu, còn cô uống 1 bát để cảm ơn chàng trai đã yêu thương mình và xin được làm bạn. Trong trường hợp cô gái đồng ý làm vợ thì gia đình chàng trai sẽ chuẩn bị những thứ tiếp theo cho việc cưới xin.

Lễ ăn hỏi: Cô gái sau khi ở nhà trai 3 ngày cùng đi nương, sinh hoạt với gia đình, cô đã đồng ý nhận lời lấy chàng trai làm chồng. Sau đó bố mẹ chồng nhờ một người đàn ông đi làm mối cho con mình. “Tua lênh xa” (người làm mối) sang nhà cô gái với mục đích hỏi nhà gái cần những thứ gì cho lễ ăn hỏi và lễ cưới. Trong lễ ăn hỏi, chủ hôn là chú của chàng trai cùng với các chàng trai trong bản (tất cả là 8 người) mang các lễ vật đã thỏa thuận trước giữa người làm mối và nhà gái. Trong lễ vật bắt buộc phải có một con gà trống, 1 chai rượu và chỉ màu. Lễ xin định ngày cưới (Nu hâu ché) có nghĩa là nói lời khi gia đình nhà Sùng đã chọn được ngày lành tháng tốt, trưởng họ sang nhà gái thỏa thuận định ngày cưới và lễ vật trong ngày cưới. Sau 1 tuần lễ cưới chính thức được tổ chức.

Lễ cưới: Lễ cưới chính thức (Sì chín hâu ché), nhà chàng trai mang lễ vật sang nhà gái từ chiều hôm trước. Lễ dẫn cưới gồm có một khoản tiền, 60kg thịt lợn, 60 bát rượu, gạo... trong đó gà trống là lễ vật quan trọng nhất. Lễ đón dâu được tổ chức vào sáng hôm sau. Cô dâu mặc áo màu đỏ, váy hoa, đầu quấn khăn xanh. Lễ cưới diễn ra trong những cuộc mời rượu, đối đáp giữa các thanh niên, thiếu nữ. Sau đó cô dâu làm lễ cúng tổ tiên, ma nhà, ma cửa... để về nhà chồng. Khi về nhà chồng, gia đình nhà chồng bày một mâm cơm cúng tổ tiên để ra mắt con dâu.

Hiện nay, trai gái người H'Mông được tự do tìm hiểu và tự quyết định hôn nhân của mình. Nếu ưng thuận, họ sẽ về báo cáo với bố mẹ, dòng họ. Khi đó nhà trai sẽ mời ông mối sang đánh tiếng dạm hỏi. Nếu nhà gái ưng thuận, hai bên sẽ định ngày tốt rồi tiến hành lễ ăn hỏi (hẹn cưới) sau đó là lễ cưới (đón dâu).

Ma chay

Người H'mong quan niệm, chết là về với thế giới bên kia, ở đó con người vẫn tồn tại, vẫn có một đời sống bình thường... sau khi trọn đời ở nơi trần thế, con người trở về sống với tổ tiên. Khi có người chết, gia chủ báo cho anh em, làng xóm biết bằng cách bắn súng kíp (đối với người trẻ thì bắn ba phát, người già thì bắn năm, bảy, chín phát) sau đó lấy tù và thổi ba hồi. Anh em dòng họ, bà con trong làng thấy tín hiệu sẽ nghỉ việc đến chia buồn và hợp sức với tang chủ.

Ngày đầu của tang lễ, họ kiêng không cho người lạ vào nhà. Người ta lấy một tấm áo cũ của chủ nhà (có dòng họ lấy bất cứ một tấm vải hoặc tờ giấy nào cũng được) che bàn thờ tổ tiên – nếu người chết là trẻ em hoặc đàn bà. Nếu chủ nhà chết thì không cần che mà dỡ bàn thờ ra đốt rồi gói tro đốt vào huyệt vì chủ nhà chính là “chủ ma”.

Người ta lấy một tấm vải lanh trắng vừa dệt xong, cắt thành hình vuông có chiều rộng theo khổ vải hoặc tờ giấy nào cũng được, khoảng từ 20-35 cm làm khăn lau mặt cho người chết. Dùng một thùng gỗ Pơ mu có chiều cao khoảng 40 cm đựng nước sôi rửa mặt và chân tay cho người chết. Rửa xong nước không được đổ

ra ngoài mà phải đổ vào buồng của chủ nhà. Thùng gỗ đựng nước lau rửa được giữ lại để đựng cơm cho người chết.

Tử thi lúc này được mặc quần áo mới bằng vải lanh. Theo quan niệm truyền thống của người H'mong thì chỉ mang y phục bằng vải lanh, người chết mới có thể trở về với tổ tiên và tổ tiên của họ mới nhận diện được con cháu.

Khâm liệm xong, người ta làm một cái cáng bằng tre hoặc gỗ để dưới bàn thờ tổ tiên rồi đặt thi hài lên đó. Lúc này, anh em họ hàng mới đi người làm chủ đám tang và làm thợ kèn. Chủ đám tang phải là người cùng dòng họ, am hiểu về phong tục trong họ. Sau khi người chết được khâm liệm chủ đám tang mới bắt đầu làm lễ “chỉ đường” (khúa kê) cho người chết.

Người nào không có con trai thì chỉ dùng sợi lanh, còn người có con trai thì con dâu dệt vải lanh trắng chưa nhuộm dài từ bốn đến năm sải tay làm dây buộc cáng nối với xà nhà và cũng dùng dây lanh buộc thi hài vào cáng. Đến đây, anh em, bạn bè, họ hàng lên tiếng khóc chia tay.

Khi các thủ tục trong gia đình đã hoàn tất, tang chủ mới cho đánh trống báo hiệu mọi người trong làng có thể lần lượt vào thăm. Hôm trước ngày đưa đám, chủ tang, thợ kèn, ông cậu, ông rể cùng bàn bạc về việc hôm sau mổ trâu hay bò. Tối hôm đó người ta đem tiền vàng ra đốt. Đêm đến tất cả con cháu cúi rạp xuống quỳ lạy nghe ông chú đứng lên nói (nếu bố chết), hoặc ông cậu đứng lên nói (nếu mẹ chết) bài “phòng cáo”.

Sáng hôm sau, thi hài vẫn để nguyên trên cáng rồi đưa ra một bãi đất chưa có ai làm mà ở đó bao giờ. Ngoài bãi đã dựng sẵn một sàn cao 1m, thi hài được đặt lên đó, đầu hướng về nhà cũ. Giữa bãi dựng một cây còn cả ngọn có hai cành dùng để treo kèn, trống. Cây có ngọn tượng trưng cho vật trung gian nối giữa thế giới người sống và thế giới người chết, giữa trời và đất.

Người ta chọn giờ tốt để thầy cúng bắt đầu cúng bài đưa thi hài đi mai táng, khèn trống, giục giã giai điệu “lên đường”. Những trai tráng trong ban lễ tang khiêng cáng người chết chạy nhanh như ngựa đến huyệt. Đến huyệt, thầy cúng ngắt ba ngọn cỏ ranh làm động tác quét quan tài với quan niệm xua đuổi tà ma sau đó mới đặt người chết vào quan. Con gà cúng buộc vào cáng thì đặt xuống đầu mộ. Thùng gỗ đựng cơm cho người chết thì đập vụn ra, rải các mảnh vỡ cũng cơm xung quanh quan tài rồi lấp đất lại.

Khi trở về, tất cả những người khiêng quan tài, tiếp xúc với thi hài đều phải rửa tay ở thùng nước đặt trước cửa nhà và hơ tay trên bếp lửa. Đó là dấu hiệu đề phòng hồn ma người chết bắt đi và cũng là tập tục tốt để gìn giữ vệ sinh. Mai táng được ba ngày, thì gia đình tang chủ tổ chức lấy cây về phủ mộ, rào dậu, che chắn bảo vệ cho mộ phần.

- ***Lễ hội***

Trong một năm, đồng bào H'mông có hai Tết lớn: Tết năm mới và Tết mồng 5 tháng 5.

Tết năm mới ở đây rơi vào khoảng đầu tháng Chạp âm lịch.

Tết đón mừng năm mới.

Đây là cái tết quan trọng nhất của cộng đồng H'mông, đó là thời khắc thiêng liêng để người H'mông tưởng nhớ tổ tiên, tỏ lòng biết ơn trời – đất đã cho thu hoạch mùa màng và cầu mong vụ mùa năm mới tươi tốt... Bắt đầu từ ngày 26 tháng 11 âm lịch, mọi người đã chuẩn bị các vật dụng cần thiết như rượu, hương, củi, mỡ lợn và làm bánh dày để đón mừng năm mới.

Đêm 30 rạng sáng ngày mồng 1, khi gà cất tiếng gáy chào ngày mới, một người trong nhà cầm 3 thẻ hương cùng giấy bản đến giếng hoặc khe lấy nước về nấu cơm. Nồi cơm ấy gọi là cơm mới để cúng. Cúng xong, người ta không ăn mà đem nhét vào các góc cây quanh nhà với ý nghĩa cho cây sai hoa kết trái. Chủ gia đình cắt tiết một con gà để cúng các vị thần trong nhà như: thần nhà, thần cửa, thần

cột, thần bếp... rồi thả ra xem gà quay đầu về hướng nào mà đoán định mọi việc trong năm.

Chủ nhà lấy một ít lông và tiết gà dính vào giấy rồi dán lên vách. Những vật dụng trong gia đình như: cái rìu, cái cuốc, khẩu súng... theo quan niệm của người H'mông chúng đều có công tạo ra của cải nuôi sống gia đình, nên vào ngày tết chúng được tập trung dựng cạnh bàn thờ.

Những ngày sau đó mới đúng là ngày hội của nam nữ thanh niên với nhiều trò vui chơi cổ truyền như: ném pao, đánh cầu lông gà, đánh quay, đá bóng... trai gái còn thi hát đối đáp, múa khèn, thổi khèn lá, trẻ em thì chơi những trò như: rải đá, nhảy dây.

Hội Gầu tào

Cũng trong dịp tết đón mừng năm mới nhiều gia đình còn đứng ra tổ chức “hội Gầu tào”. Lễ hội được tổ chức nhằm mục đích cho gia chủ cầu con, cầu cho bản làng được mùa màng bội thu. Thời gian mở hội thường trong khoảng từ ngày mồng 1 đến khoảng ngày 15 tháng Giêng. Nếu hội tổ chức 3 năm liền thì mỗi năm tổ chức 3 ngày liền, hội làm gộp một năm sẽ tổ chức 9 ngày. Ngày mở hội Gầu tào là do thầy cúng tế trong bản và gia chủ quyết định, thường chọn ngày Thìn, ngày Sửu trong tháng đầu tiên của năm mới.

Ngay từ cuối tháng Chạp, khi được thầy cúng bói xin mở hội, gia đình mở hội cầu phúc, cầu mệnh, cử ra một người chặt cây làm cây nêu. Lễ dựng nêu được tổ chức, nơi trồng nêu cũng là địa điểm mở hội. Cây nêu được chôn nơi cao nhất thường là đỉnh đồi. Khi dựng xong gia chủ còn làm lễ cúng ở ngay chân cột nêu. Mời tổ tiên các thần phù hộ cho có con, mọi thành viên đều khỏe mạnh, bằng an kế tục việc làm ăn theo dòng họ. Cây nêu được dựng lên, các làng gần, làng xa biết năm nay sẽ mở hội Gầu tào, nhà nhà háo hức chuẩn bị.

Sau khi làm lễ cúng cầu mong trời đất cho gia chủ và mọi người sức khỏe, mùa màng bội thu, mọi người tỏa ra các ngọn đồi thấp hoặc các bãi ruộng bằng xung quanh chơi xuân. Các thiếu nữ H' Mông trong trang phục rực rỡ sắc màu, tái

hiện phong tục, tập quán và văn nghệ dân gian của dân tộc mình. Sôi động và tưng bừng nhất là khu thi đấu các môn thể thao truyền thống dân tộc H'mông. Các chàng trai so tài cao thấp, thể hiện sức khỏe và bản lĩnh của người miền sơn cước.

Hết thời gian hội, gia chủ làm lễ kết thúc, cây nêu được hạ xuống, thầy mo đốt que giấy, hốt than cho vào gáo nước, vừa đi vừa cầu khẩn. Sau mỗi đoạn khẩn vái, thầy lại hớp một hùm nước phun ra xung quanh, gia chủ cầm bầu rượu hạ từ trên cây nêu đi theo thầy mo cũng vẩy rượu ra khắp nơi. Mảnh vải đỏ thì treo trong nhà, cầu mong hồng phúc đời đời.

- ***Văn hóa ẩm thực***

Ăn uống của người H'mông dựa vào nguồn lương thực từ trồng trọt, chăn nuôi, khai thác các sản vật trong tự nhiên. Trước kia, họ thường ăn ngô xay nấu thành bột hoặc nấu chín nửa vùi rồi đồ. Thường ngày, họ ăn cơm gạo tẻ theo cách chế biến đồ trong chõ gỗ. Đa số các món ăn chủ yếu được chế biến theo cách luộc hoặc xào. Các loại thịt nếu có nhiều ăn tươi không hết, họ thường để dành bằng cách sấy khô để trên rách bếp (giàn bếp). Người H'mông xúc thức ăn bằng thìa gỗ, dùng đũa chỉ là phụ. Khi có khách phụ nữ không được ngồi ăn chung, chủ nhà bao giờ cũng ngồi ở trên, lưng quay vào bức vách hậu gian giữa. Vào những ngày chợ phiên, đồng bào thường nấu thắng cố, người H'mông rất thích uống rượu nhất là rượu ngô do họ tự chưng cất.

Người H'mông có một số món ăn nổi tiếng như:

+ Thịt trâu khô

Khi thịt trâu tươi ăn không hết, người H'mông làm thịt khô để ăn dần. Thịt nạc đem thái thành miếng dài 15 – 20 cm, sau đó ướp muối và gia vị. Sau khi thịt đã ngấm muối và gia vị, người ta đem xâu thịt bằng nạt tre mỏng, mỗi xâu chừng 10 miếng rồi treo lên gác bếp. cứ như vậy thịt để khô rồi ăn dần.

Thịt trâu khô có thể chế biến thành nhiều món ăn. Khi có khách thịt trâu khô được chế biến theo hình thức: thịt trâu được cạo bỏ lớp đen bám bên ngoài, sau đó

đem đập dập, nướng trên bếp than cho dậy mùi, sau đó pha nước tương gồm đường, chanh, mắm và thêm loại tương đặc biệt do đồng bào tự làm.

+ Món măng đắng

Ai đã từng một lần lên Tây Bắc không thể không thưởng thức món ăn này. Măng ngon là thứ mầm cây thuộc họ tre, trúc... mới nhú một hai đốt ngón tay trở xuống, phần thân còn lại ngấp trong đất. Ở Sa pa măng đắng người ta có thể chế biến thành rất nhiều món hấp dẫn như hầm xương, xào mẻ, luộc chêm, mẻ ớt, hay luộc chấm với mẻ chung cùng trứng gà, muối. Đơn giản nhất là món măng đắng luộc chấm gia vị khiến ai đã từng ăn một lần thì khó có thể quên được hương vị của nó.

+ Mèn mèn

Người H'mông và các cư dân trồng ngô ở đây ăn ngô theo kiểu đồ bột(màu của mèn mèn) họ dùng nước rưới bột ngô rồi trộn đều sao cho vừa ẩm, sau đó cho vào cái hoong bằng gỗ ghép (lú chu) và đặt vào vạc đồ suốt, hết hơi thì đồ ra rưới nước, trộn đều và đồ lại một lần nữa. Như vậy, bột ngô mới chín kỹ và nếu để lại cho bữa sau thì “ mèn mèn” vẫn không bị răn. Mỗi ngày đồng bào chỉ làm “mèn mèn” một lần và dùng cho cả ba bữa trong ngày. Do món “mèn mèn” là bột ngô đồ khô nên trong bữa ăn đồng bào thường ăn kèm với món canh. Ngoài món “mèn mèn” còn nhiều món ăn làm từ nguyên liệu ngô như: chua xía (bánh ngô non), chua phụ (bánh chua, làm bằng ngô già), giom lậu (bánh ngô nếp)...Bánh ngô non thường làm vào đầu vụ ngô, bánh chua thường làm bán trong các chợ phiên.

+ Rượu ngô

Rượu ngô là món đặc sản nổi tiếng của vùng này. Rượu chẳng những được dùng trong những ngày lễ tết mà còn được dùng phổ biến hàng ngày. Bếp ở nhà người H'mông nào cũng có một chảo to để nấu rượu ngô. Để nấu thành rượu phải rất công phu. Ngô được nấu trong hai ngày, trong khi nấu, nếu ngô cạn nước thì phải cho thêm nước vào chảo ngô, công việc này diễn ra liên tục trong hai ngày đun nấu. Sau đó họ đổ ngô ra để ráo và bắt đầu quá trình ủ men. Dụng cụ nấu rượu

rất đặc biệt, được cấu thành bởi một cái nồi nấu rượu có vòi nối với một cái thùng nước lạnh, khi đun để cho hơi nước rượu đọng vào nắp nồi chảy qua vòi bắc qua thùng nước lạnh thì mới thành rượu. Muốn cho độ rượu nặng hay nhẹ tùy vào người nấu. Ai đến Sa Pa thì đều có ý định mua rượu ngô về làm quà cho bạn bè và người thân.

+ Thắng cố

Theo các cụ già người H'mông truyền lại: trước kia người ta chỉ chế biến thắng cố từ thịt ngựa và chỉ bằng thịt ngựa mới. Nhưng nay vì nhiều lý do nên thắng cố còn được chế biến bằng thịt trâu, thịt dê, thịt lợn...

Kỹ thuật chế biến thắng cố tương đối đơn giản: sau khi con vật được làm thịt sạch sẽ xong, tất cả lục phủ ngũ tạng của nó được chặt ra thành từng miếng. Trên bếp lửa rục hồng, một cái chảo cỡ lớn đặt sẵn. Tất cả các thứ như: thịt thủ, thịt mông, xương đầu, tim, gan, lòng, phổi của con vật sẽ được đổ vào chảo cùng một lúc, xào lăn. Đợi ít phút miếng thịt se se cạnh người ta đổ nước vào chảo và cứ thế ninh sôi sùng sục hàng tiếng đồng hồ. Ngoài muối là chủ yếu và một tí mì chính thì gia vị cho món thắng cố cần phải có thảo quả, địa điền nướng thơm, tán nhỏ, ướp vào thịt trước lúc đem xào. Khi thắng cố chín kỹ, các thứ gia vị bổ trợ cho nhau tạo nên một thứ hương vị đặc trưng quyền rũ. Theo làn gió mới, thắng cố lan tỏa từ đầu chợ đến cuối chợ như mời gọi, như chèo kéo mọi người. Không một lời rao bán và không một hình thức quảng cáo nào hiệu quả hơn, chinh phục vào “cái bụng” khách hơn thế.

+ Xôi ngũ sắc

Xôi ngũ sắc là loại xôi 5 màu mà đồng bằng thường làm trong dịp lễ tết hoặc trong những dịp ma chay, cưới hỏi, hội hè... Xôi ngũ sắc được làm rất công phu, các màu sắc trong đĩa xôi rất đặc trưng tạo nên sự hấp dẫn. Trong đó gồm có màu: tím, xanh, đỏ, vàng và màu trắng. Màu của xôi ngũ sắc được chế biến từ màu của các loại cây.

Để có được chỗ xôi ngon trước hết phải chọn loại gạo nếp ngon, thơm, bỏ những hạt gãy, chọn lấy những hạt đều nhau, sàng sảy sạch sẽ. Khâu chuẩn bị vật liệu màu là rất quan trọng, các loại cây lấy về phải tươi, không bị gãy và dập nát. Mỗi loại màu được chế biến một cách khác nhau.

- Màu tím:

Đây là loại màu đặc trưng không thể thiếu được trong chỗ xôi, đây là màu được chế biến từ cây “chăm” hay “cắm”. Cây này thường được các gia đình tự trồng để sử dụng. Cây chăm sau khi được cắt đem rửa sạch rồi cho vào nồi đun khá lâu (đun sôi khoảng 20 phút), lượng nước cho vừa phải để cho nước có màu tím. Để ngâm gạo nếp thơm vào nước màu thì cần phải đãi sạch gạo trước rồi ngâm vào nước cây chăm. Thời gian ngâm khoảng 4 – 6 giờ, sau đó bỏ gạo ngâm ra chuẩn bị đồ.

- Màu đỏ nhạt:

Cũng là màu đặc trưng, cùng là cây chăm nhưng cách chế biến màu thì khác. Cây chăm được lựa chọn lấy loại cây thấp về rửa sạch rồi cho vào chậu hoặc máng gỗ vò kỹ. Để tạo loại màu này cần phải dùng rom của bông lúa làm cốm phơi khô đốt kỹ rồi lấy tro đó cho lẫn vào cây chăm đã rửa sạch vò lẫn. Sau đó cho nước vào và lọc lấy nước vò ra có màu đỏ nhạt. Cũng như màu tím, gạo được vo đãi sạch sẽ rồi ngâm vào nước đã được lọc. Do ngâm bằng nước nguội nên phải ngâm lâu hơn màu tím một chút. Xôi của màu này sau khi đồ chín màu rất đẹp, nhất là sau khi trộn đều với các màu khác.

- Màu vàng:

Màu vàng của xôi ngũ sắc có thể dùng hai loại vật liệu thực vật khác nhau, đó là dùng củ nghệ vàng hoặc dùng cây “đọc rả”. Mỗi loại vật liệu cho ta một màu vàng khác nhau về độ đậm nhạt.

Màu vàng của nghệ: Nghệ củ tươi sau khi được đào đem về để 5 – 7 hôm, sau đó rửa sạch, để vào trong rổ cho ráo nước. Khi làm xôi, nghệ được đem ra cối giã nhỏ, cho thêm nước vào khuấy đều rồi dùng một miếng vải mỏng để lọc nước nghệ.

Sau đó cho gạo vào chậu nước nghệ để ngâm, khoảng 6h đổ gạo ngâm ra rá cho sạch nước nghệ rồi mới chuẩn bị đồ.

Màu vàng của cây “đọc rả”: Đây là loại cây khá hiếm mọc trong tự nhiên, cây này cao khoảng 40 cm, lá có gợn, thân cây nhỏ. Sau khi lấy cây cắt từng phần thân đem về rửa sạch rồi cho vào nồi đun, chỉ cho lượng nước vừa ngập sau đó đun sôi khoảng 30 phút, gạn lấy nước để nguội rồi đổ gạo vào ngâm. So với màu vàng của nghệ thì màu vàng của cây “đọc rả” có màu đẹp hơn.

- Màu xanh:

Màu xanh được tạo nên từ lá cây gừng. Lá cây gừng được hái về rửa sạch lọc lấy nước để ngâm gạo. Sau khi ngâm gạo vào nước gừng vò kỹ thì đổ gạo ra rá cho khô, chờ trộn với các màu khác để đồ xôi.

- Màu trắng:

Đây là loại rất đơn giản, không dùng màu chỉ cần chọn gạo đều hạt như các loại gạo ngâm màu. Sau thời gian ngâm gạo được đãi sạch sẽ trộn đều các loại màu rồi tiến hành đồ.

Sau khi ngâm gạo đủ thời gian, tất cả được đổ ra rổ để kiểm tra rồi đổ vào chậu to trộn đều các màu gạo với nhau, sau đó tiến hành cho gạo vào chõ gỗ. Đáy chõ đồ xôi được đan bằng nan tre vót nhỏ. Lúc này gạo được đổ đều trong chõ và san mặt trên phẳng và chuẩn bị cho nên chảo nước để đồ. Trên chõ được đậy kín bằng nắp gỗ.

Một chõ xôi từ 5 – 7 kg thường đồ khoảng một giờ, lượng nước để đồ vừa phải không để nước trào lên xôi. Đồng thời đun lửa vừa phải, sau khoảng 1h thì mở ra dùng đũa dài bới kiểm tra phía đáy chõ. Sau khi xôi chín, chõ xôi được nhấc hẳn ra và phải chuẩn bị sẵn một chiếc mẹt to để đổ toàn bộ xôi rồi mới đem ra bát và xôi được đắp đầy hình tựa như trái núi.

Xôi ngũ sắc được nhuộm bằng các loại cây thực vật nên không ảnh hưởng tới sức khỏe con người. Ngược lại còn có tác dụng chữa bệnh của lá gừng của nghệ

tươi. Hơn nữa nhuộm bằng các nguyên liệu tự nhiên nên màu sắc không bị phai lẫn vào nhau, các hạt gạo màu được giữ nguyên vẹn rất hấp dẫn.

Xôi ngũ sắc là một trong những sản phẩm ẩm thực độc đáo, được truyền từ đời này qua đời khác, không những thế xôi ngũ sắc còn thể hiện yếu tố văn hóa, trong đó nổi bật yếu tố tâm linh trong các nghi lễ của gia đình và cộng đồng.

2.3. Hiện trạng khai thác du lịch tộc người H'mông tại huyện SaPa

SaPa là một huyện vùng cao ở Lào Cai, có 45.000 người dân. Trong đó người H'Mông chiếm 52% dân số. SaPa có 98 làng, thôn, bản trong đó có 61 làng người H'Mông. Du lịch SaPa được hình thành từ đầu thế kỷ 20 nhưng hơn 15 năm qua, du lịch SaPa mới phát triển khá mạnh. Năm 1992, SaPa đón 5.000 lượt khách, đến năm 2005, SaPa đón 200.000 du khách, trong đó có 63.333 khách quốc tế. Trong 9 tháng đầu năm 2006, có 190.000 lượt khách đến SaPa, trong đó khách quốc tế có gần 50.000 người của 81 nước và vùng lãnh thổ. SaPa trở thành một trong 15 trung tâm du lịch trọng điểm của cả nước. Hầu hết khách du lịch quốc tế đến SaPa đều đến thăm các bản làng. Vì vậy du lịch đã tác động mạnh mẽ đến nông thôn SaPa, nhất là các làng người H'Mông.

2.3.1. Hiện trạng các giá trị văn hóa tộc người

- Hiện trạng nghề thủ công

Nói đến nghề thủ công của người H'mông nổi tiếng hơn cả là nghề dệt lanh và làm thổ cẩm. Nhưng thực tế thì nghề dệt lanh, làm thổ cẩm cũng như các nghề thủ công khác của người H'mông chưa được chú ý đúng mức. Do xã hội thay đổi quan niệm về trang phục truyền thống của người H'mông đã khác trước, thay những sản phẩm tự tay dệt bằng chất liệu truyền thống thì người H'mông sử dụng loại chất liệu công nghiệp may sẵn. Hiện nay người dân ở đây dần chuyển sang các hoạt động kinh doanh phục vụ cho du khách nên các nghề thủ công truyền thống dần mất đi, sản xuất dựa trên lợi nhuận kinh doanh, do chạy theo số lượng, không ít các mặt hàng truyền thống được chế tác lại để làm hàng lưu niệm, sự cầu thả trong sản xuất đã làm méo mó giá trị chân thực của truyền thống, sai lệch hình ảnh

của nền văn hóa bản địa. Đây là thực tế đáng buồn của hầu hết các địa điểm du lịch, không chỉ của du lịch SaPa. Vì vậy cần có cái nhìn bền vững trong du lịch, có trách nhiệm trong công tác quản lý du lịch, có như vậy địa phương mới phát triển và ngày càng thu hút khách.

- Thực trạng các giá trị văn hóa khác

Du lịch lễ hội là một trong những điểm thu hút du khách đến rham quan và tham gia. Nhưng lễ hội tộc người ở đây vẫn chưa được chú trọng, các hoạt động du lịch chỉ mang tính tự phát và chưa được các cấp chính quyền quan tâm đúng mức.

Nhà cửa và các công trình phục vụ cho hoạt động du lịch của người H'mông chưa được quy hoạch, kể cả nhà của những người làm du lịch cũng xuống cấp, chưa đáp ứng được nhu cầu của du khách.

2.3.2. Tình hình du khách đến các làng ở SaPa

Biểu 1- Số khách đi thăm làng bản ở SaPa năm 2008

Số TT	Số ngày Tour	Số người
1	Đi trong ngày	47.877
2	Đi 2 ngày 1 đêm	10.549
3	Đi 3 ngày 2 đêm	8.620
4	Đi 4 ngày 3 đêm	3.455

Nguồn: Phòng Văn hóa SaPa

Như vậy, du khách đến các bản làng chủ yếu là đi một ngày, không ngủ qua đêm ở làng. Số du khách có thời gian lưu trú vài ba ngày chiếm tỷ lệ thấp.

Biểu 2: Số người đi theo các tuyến du lịch làng bản chủ yếu năm 2008

Các tuyến du lịch làng bản	Số người
SaPa - Cát Cát - Sín Chải - SaPa	347
SaPa - Cát Cát - Ý Linh Hồ - Lao Chải - Tả Van	4.375
SaPa - Lao Chải - Tả Van - Bản Hồ - Thanh Phú	39.823
SaPa - Thanh Kim	462
SaPa - Tả Phìn	5.574

Nguồn: Phòng Văn hóa SaPa

Du khách đến các làng H'Mông chủ yếu xem cảnh quan làng, sinh hoạt văn hoá các dân tộc. Từ tháng 1 đến tháng 4 hàng năm là thời điểm khách nước ngoài đến thăm làng H'Mông đông nhất. Bình quân mỗi ngày có từ 40 - 70 du khách đến Lao Chải, 50 du khách đến Cát Cát, Sín Chải. Thời gian lưu tại các làng H'Mông từ 4 - 6 giờ. Một số làng, một năm đón đến 37.000 lượt khách. nhưng cũng có làng mỗi năm chỉ đón vài trăm lượt khách. Song số du khách đến các làng H'Mông tăng rất nhanh trong vài năm gần đây.

2.3.3. Tác động của du lịch đến các làng người H'mông ở SaPa

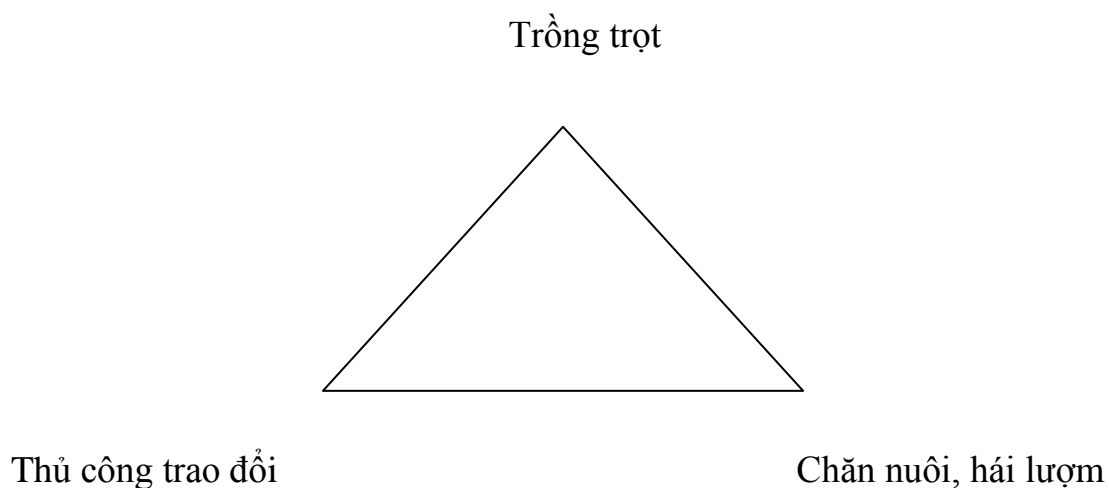
+ Tác động tích cực của du lịch đến các làng người H'mông ở SaPa

Du lịch làm nảy sinh và phát triển các ngành nghề mới, khôi phục các nghề truyền thống.

Trong văn hoá người H'Mông đã xây dựng một cơ cấu kinh tế hợp lý, thích ứng với điều kiện tự nhiên không thuận lợi.

Cơ cấu kinh tế truyền thống của người H'Mông gồm 03 bộ phận chính: trồng trọt, chăn nuôi và hái lượm, tiểu thủ công nghiệp và trao đổi. Cơ cấu kinh tế này tạo ra thế “chân kiềng” trong phát triển, nhờ nó người H'Mông xác lập được thế cân bằng, duy trì sự bền vững tương đối ở môi trường thiên nhiên có nhiều bất lợi cho sản xuất lương thực. Trong cơ cấu kinh tế truyền thống, trồng trọt luôn đóng

vai trò chính, chăn nuôi, nghề thủ công chỉ đóng vai trò phụ và luôn phụ thuộc vào trồng trọt. Chăn nuôi nhằm cung cấp sức kéo vận chuyển cho trồng trọt (trâu, bò, ngựa) và cung cấp nguồn phân hữu cơ phục vụ thâm canh. Ngoài ra các sản phẩm của chăn nuôi chỉ đáp ứng nhu cầu ăn thịt và các sinh hoạt tôn giáo, văn hoá. Sản phẩm chăn nuôi chưa trở thành hàng hoá. Ngược lại, khả năng trồng trọt không chỉ hỗ trợ mà còn trực tiếp chi phối đến chăn nuôi. Thức ăn tinh chủ yếu nuôi lợn, gia cầm là ngô, gạo nên những năm được mùa ngô, lúa lợn gà đều phát triển và ngược lại năm mất mùa đàn lợn, gà bị giảm sút nghiêm trọng. Hoạt động các ngành nghề thủ công chỉ đóng vai trò phụ và luôn phụ thuộc vào kinh tế nông nghiệp. Vì thế thời gian dành cho nghề thủ công là những lúc nông nhàn. Nghề thủ công tăng thêm nguồn thu nhập cho nông nghiệp, phục vụ nông nghiệp (nhất là nghề rèn đúc). Ngoài ra kinh tế hái lượm, trao đổi hàng hoá ở chợ phiên cũng thực hiện chức năng hỗ trợ cho nông nghiệp. Cơ cấu kinh tế này tồn tại như một hệ thống chỉnh thể, thực hiện các chức năng hỗ trợ cho nhau, khuyết một trong những yếu tố đó, toàn bộ đời sống H'Mông sẽ mất cân đối (xem sơ đồ). Như vậy có thể nói cơ cấu kinh tế truyền thống người H'Mông gồm 3 bộ phận cấu thành (trồng trọt, chăn nuôi và hái lượm, nghề thủ công và trao đổi hàng hoá) như hình tam giác cân có đỉnh là trồng trọt.



Trong cơ cấu kinh tế truyền thống này, trồng trọt là chủ yếu, hầu hết mức sống, nguồn thu nhập của người H'Mông là nhờ vào trồng lúa, ngô, thảo quả, còn chăn nuôi, hái lượm ở rừng Hoàng Liên, nghề thủ công chỉ đóng vai trò phụ và luôn phụ thuộc vào trồng trọt. Loại hình canh tác chủ yếu là nương rẫy và khai khẩn ruộng bậc thang đòi hỏi phải huy động được nhiều lao động. Khi khai phá được ruộng bậc thang phải có sự tham gia của cả dòng họ, cả làng cùng lao động.

Hiện nay do du lịch phát triển, các làng H'Mông ở gần thị trấn có cảnh quan đẹp, giữ được bản sắc văn hoá trở thành những điểm du lịch hấp dẫn. Do đó du lịch đã tác động làm biến đổi đời sống kinh tế của các gia đình người H'Mông.

Trước hết là sự xuất hiện hàng loạt nghề mới phục vụ du lịch như bán hàng thổ cẩm, đồ trang sức, chở xe ôm, dẫn khách du lịch....

Biểu 3: Số người tham gia hoạt động dịch vụ du lịch

Stt	Loại hình dịch vụ	Cát Cát	Lý Lao Chải
1	Bán hàng rong	72	77
2	Chở xe ôm	18	17
3	Bán hàng lưu niệm cố định ở chợ	6	5
4	Hướng dẫn khách du lịch	9	3
5	Biểu diễn văn nghệ	7	0
	Cộng	112	102

Nguồn: Phòng Văn hóa SaPa

Làng Cát Cát có 360 người H'Mông mà có tới 112 người tham gia hoạt động du lịch chiếm tỷ lệ 31,11% dân số. Làng Lý Lao Chải có 561 người H'Mông có 102 người tham gia dịch vụ du lịch chiếm tỷ lệ 18,18% dân số nhưng tính theo đơn vị hộ gia đình tỷ lệ số hộ có người tham gia hoạt động du lịch rất cao. Khảo sát 28 hộ ở thôn Lao Chải 1 có 22 hộ (chiếm 78,6%) số hộ có người tham gia dịch vụ du lịch. Như vậy là số người trực tiếp tham gia dịch vụ du lịch khá đông. Đó là chưa kể số người gián tiếp tham gia các dịch vụ này như sản xuất, đi mua thổ cẩm, hàng lưu niệm....

Trong các ngành nghề mới xuất hiện, có nghề hướng dẫn viên du lịch và phục vụ khách du lịch(mang đồ, dẫn đường cho khách du lịch) phát triển khá nhanh, nhất là trong tầng lớp thanh niên. Mỗi một làng người H'Mông có một vài thanh niên làm nghề hướng dẫn viên tự phát. Đặc biệt, một số công ty du lịch đã tuyển người H'Mông ở các làng đào tạo trở thành đội ngũ hướng dẫn viên chuyên nghiệp. Làng Cát Cát có 5 hướng dẫn viên người H'Mông chuyên nghiệp, làng Lao Chải có 12 hướng dẫn viên, xã Hầu Thào có 7 hướng dẫn viên....v.v. 16 làng người H'Mông còn thành lập các đội văn nghệ phục vụ khách du lịch, thu hút khoảng 200 nam nữ diễn viên không chuyên tham gia. Một số đội ở Lao Chải, Sa Pa, San Sả Hồ không chỉ biểu diễn ở làng mà còn trở thành đội văn nghệ không chuyên của các khách sạn Victorya, BamBeo, khách sạn Châu Long, khách sạn Hàm Rồng.... Bên cạnh việc xuất hiện các ngành nghề mới, một số ngành nghề truyền thống được khôi phục và phát triển theo hướng sản xuất hàng hoá như nghề thêu dệt thổ cẩm, làm đồ chạm khắc bạc. Các sản phẩm chăn nuôi của các làng H'Mông trước kia chỉ nhằm đáp ứng nhu cầu ăn uống và tín ngưỡng của từng gia đình thì nay đã bước đầu trở thành các sản phẩm hàng hoá cung cấp cho các nhà hàng, khách sạn. Thông qua trao đổi hàng hoá, giao dịch với du khách, khả năng nắm bắt nhu cầu, giá cả thị trường của người H'Mông được nâng cao.

Du lịch góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nâng cao đời sống người H'Mông, giảm nhanh tỷ lệ đói nghèo ở các làng người H'Mông

Trong thập kỷ 50 của thế kỷ 20, nguồn thu của các hộ gia đình người H'Mông có tới 80% đến 90 % nhờ nông nghiệp (trong đó chủ yếu là trồng trọt và khai thác lâm sản). Nhưng hiện nay, nguồn thu từ dịch vụ du lịch đã chiếm tỷ lệ quan trọng. Trong đợt điều tra khảo sát về nguồn thu của người H'Mông ở làng Lý Lao Chải huyện Sa Pa (từ ngày 29/9 đến 12/10/2005) cho thấy vai trò dịch vụ du lịch tăng khá mạnh. Trong tổng số 30 hộ trong thôn được điều tra, nguồn thu từ dịch vụ du lịch vượt lên vị trí thứ hai đã chiếm tới 35,17% tổng nguồn thu. Nguồn thu từ trồng trọt trước kia là nguồn thu chủ yếu, hiện nay tuy vẫn là nguồn thu quan trọng nhất (vị trí thứ nhất) nhưng chỉ chiếm 39,5% (xem biểu 4).

Biểu số 4 : Tỷ lệ nguồn thu của làng Lý Lao Chải-tháng 10/2008

ĐVT: 1000 đ

Nguồn thu	Số tiền	Tỷ lệ % trong tổng số nguồn thu
Trồng trọt	187.930	39,51
Lâm sản	20.510	4,3
Chăn nuôi	27.650	5,8
Du lịch	167.320	35,17
Làm ruộng nương thuê	22.050	4,63
Lương, phụ cấp	43.940	9,23
Dịch vụ tín ngưỡng	2.020	0,42
Nguồn thu khác	4.200	0,88
Tổng nguồn thu	475.620	100

Nguồn: Phòng Văn hóa SaPa

Bình quân mỗi hộ gia đình người H'Mông ở Lao Chải được khảo sát 1 năm có thu nhập 15.834.000 đồng, cao gần gấp đôi so với các làng trong vùng không tham gia hoạt động du lịch. Trong số 30 hộ ở Lý Lao Chải được khảo sát, có tới 25 hộ tham gia các hoạt động du lịch. Thu nhập của các hộ này ít nhất là gần 3 triệu đồng/1 năm, cao nhất là 14.700.000 đồng/1 năm (Xem biểu 5).

Biểu số 5 - Nguồn thu nhập của các hộ người H'Mông

ĐVT: đồng

Mức thu nhập	Số hộ	Tỷ lệ %
Dưới 3 triệu đồng	2	8
Từ 3 triệu đến 5 triệu đồng	10	40
Từ 5 triệu đến 7 triệu đồng	6	24
Từ 7 triệu đến 14.700.000	7	28
Tổng số	25	100

Nguồn: Phòng văn hóa Sa Pa

Bảng thống kê cho thấy, số hộ có thu nhập du lịch dưới 3 triệu đồng 1 năm là rất ít (có 2 hộ chiếm 8%). Có tới 40% số hộ thu nhập từ 3 đến 5 triệu đồng/1 năm từ du lịch. Số hộ có thu nhập từ du lịch năm 2006 có xu hướng tăng cao. Trong số 7 hộ thu nhập từ trên 7 triệu đồng đến 14.700.000 đồng ở thôn Lý Lao Chải (điều tra tháng 10/2008) thì đến nay (tháng 9/2010) có 3 hộ đã tăng từ 14.700.000 đồng lên trên 20.000.000 đồng/1 năm, nhất là các gia đình có 2 - 3 người tham gia hướng dẫn viên du lịch, chở xe ôm, bán hàng. Các làng H'Mông có người tham gia dịch vụ du lịch nhiều (Cát Cát, Lý Lao Chải, Sín Chải, Bản Pho...) thì tỷ lệ hộ đói nghèo cũng giảm gần gấp đôi so với các làng H'Mông không tham gia du lịch. Trong 9 tháng đầu năm 2010, số hộ đói nghèo theo tiêu chí mới ở làng Cát Cát giảm 4,73%, ở Sín Chải giảm 4,01%, ở Lý Lao Chải giảm 4,52%.

Du lịch tác động tích cực đến nếp sống ở các làng người H'Mông

Người H'Mông trước đây chi tiêu thiếu kế hoạch. Khi thu hoạch vụ mùa xong, lương thực thực phẩm chi dùng nhiều cho các nghi lễ tín ngưỡng. Bình quân 1 năm, mỗi hộ gia đình chi phí cho các nghi lễ cầu cúng sức khỏe, chữa bệnh, làm lễ cúng ma hết 1/10 tổng thu nhập của gia đình. Nếu gia đình có người chết phải chi cho làm ma trước 1 con trâu, 3 con lợn và hàng chục con gà. Nếu làm ma khô, gia đình cũng phải giết 1 con trâu, 2 con lợn... như vậy chi phí cho đám tang rất lớn, các gia đình phải đi vay và nhiều năm sau mới trả hết nợ. Sản phẩm chăn nuôi của gia đình người H'Mông trước đây chủ yếu chỉ chi dùng cho tín ngưỡng và ăn uống, không có sản phẩm đem trao đổi, buôn bán. Năm 1995, khi kinh tế du lịch chưa phát triển mạnh, cơ cấu chi tiêu của người H'Mông chủ yếu chỉ đảm bảo ăn uống và tín ngưỡng. Còn các mức chi cho sinh hoạt văn hoá, y tế, giáo dục thấp, không đáng kể.

Du lịch tác động đến quan hệ cộng đồng làng về nhiều mặt kinh tế, văn hoá, xã hội. Trong xã hội nông nghiệp, cư dân thuần nông, vai trò của già làng được đề cao, già làng đóng vai trò quyết định trong một số quan hệ của làng như việc chuyển làng di cư, bầu trưởng làng, tổ chức các nghi lễ chung của làng.... Nhưng hiện nay, trong quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, xuất hiện hàng loạt giống cây mới, cây con mới, kỹ thuật gieo trồng mới cũng như kinh nghiệm bán hàng, giao

tiếp khách hàng phức tạp diễn ra hàng ngày đôi khi phải cập nhật thông tin, tiếp cận thông tin mới. Nhưng già làng ít có điều kiện tiếp cận (ít giao tiếp với xã hội và hệ thống thông tin đại chúng, ít quan hệ với khách du lịch...). Việc tiếp cận thông tin mới hầu hết do lớp trẻ đảm nhiệm. Do đó, vai trò của già làng trong các làng làm dịch vụ du lịch giảm sút. Lớp trẻ ít tham khảo kinh nghiệm của người già (vì người già ít tiếp cận thông tin mới).

Ngược lại với vai trò của già làng, vai trò của trưởng làng được đề cao hơn trước rất nhiều. Làng người H'Mông trong xã hội nông nghiệp thuần túy bình lặng, khép kín, việc công của làng không nhiều. Mỗi năm trưởng làng chỉ triệu tập hội nghị toàn thể dân làng vào ngày Thìn tháng Giêng làm lễ ăn ước "Nào xông", kiểm điểm các công việc của làng, thông qua quy ước chung của làng. Nhưng hiện nay, âm hưởng cuộc sống sôi động thường xuyên dội xuống làng. nếp sống tĩnh lặng của làng bị phá vỡ. Với việc xây dựng làng thành các điểm du lịch, với việc thực hiện các dự án làm đường giao thông liên thôn, trồng rừng, lập các tổ sản xuất phục vụ du lịch.... đòi hỏi sự điều hành của trưởng làng, sự tham gia của toàn dân làng ngày càng lớn. Trưởng làng phải tổ chức các cuộc họp chung dân làng thường xuyên nhằm bàn bạc phân công dân làng tham gia các chương trình dự án.

Làng ở vùng du lịch, trở thành điểm du lịch cũng xuất hiện các kiểu tập hợp người khác với làng cổ truyền. Ở đây xuất hiện các tổ sản xuất thổ cẩm, tổ du lịch xe ôm, nhóm những người tham gia bán hàng rong, trồng hoa.... Các nhóm người này thời kỳ đầu hình thành tự phát nhưng dần dần do nhu cầu cạnh tranh của thị trường, do nhu cầu tiếp cận vốn tài trợ, đầu tư cũng như tiêu thụ sản phẩm đã hình thành các tổ chức có bộ máy điều hành như tổ thêu dệt thổ cẩm ở Cát Cát, Tả Phìn, tổ trồng hoa ở làng Má Cha, tổ hướng dẫn khách du lịch ở Cát Cát, đội văn nghệ ở làng Cát Cát, làng Sín Chải xã San Sả Hồ huyện Sa Pa... Các tổ chức này làm phong phú thêm kết cấu của thiết chế làng. Sự vận hành của các tổ chức này trong một làng người H'Mông vừa là vấn đề phức tạp nhưng cũng là vấn đề tích cực củng cố sự cố kết của làng. Quan hệ cộng đồng làng về kinh tế, văn hoá, xã hội cũng không ngừng được đề cao.

+ Tác động tiêu cực của du lịch đến các làng người H'mông ở SaPa

Bên cạnh các yếu tố tác động tích cực đến các làng người H'Mông, du lịch còn một số ảnh hưởng tiêu cực. Trước hết, du lịch là nhân tố quan trọng gây ra tình trạng bất bình đẳng về thu nhập ngày càng cao giữa người H'Mông và các dân tộc khác.

Mỗi năm có hơn 200.000 lượt khách du lịch đến Sa Pa, doanh thu từ du lịch ở Sa Pa từ 250 đến 300 tỷ đồng. Nhưng nguồn thu này chủ yếu tập trung vào các hãng lữ hành, các công ty du lịch, khách sạn ở Hà Nội và thị trấn Sa Pa. Điều tra năm 2008 có tới 56% số khách nước ngoài mua tour từ các công ty lữ hành quốc gia họ. Do đó nguồn thu của các công ty nước ngoài cũng chiếm tỷ lệ khá lớn. Khi đến SaPa, du khách phải chi nhiều nhất cho dịch vụ ăn nghỉ, ở khách sạn, vận chuyển đi lại. Còn mua hàng thủ công chiếm tỷ lệ rất nhỏ. Nhằm thu được nhiều nguồn lợi, hơn nữa do các nhóm du lịch quá đông nên các hãng lữ hành, các công ty du lịch thường xây dựng tuyến tham quan 1 ngày, không để du khách ngủ qua đêm ở bản làng. Trong tháng 8 năm 2010, có 1.179 nhóm du lịch với tổng số 4.572 lượt khách đi tham quan các bản làng, nhưng có tới 729 nhóm và 2.927 người đi trong 1 ngày. Năm 2008, có 55.501 du khách nước ngoài đến bản làng thì có tới 37.877 người đi trong ngày, không ngủ ở bản làng, chiếm tỷ lệ 68,2% số du khách. Không ngủ tại làng bản, đồ ăn của du khách cũng mang theo nên người dân ở các bản làng không có thu nhập gì ngoài việc bán một số đồ uống, hàng thủ công cho du khách. Đặc biệt ở hầu hết các làng H'Mông trở thành điểm du lịch lại chưa có dịch vụ nghỉ tại làng nên nguồn thu của người H'Mông từ du lịch rất thấp so với người Tày, người Dao. Điều tra năm 2008, bình quân 1 hộ gia đình người Kinh ở thị trấn tham gia kinh doanh du lịch một năm thu nhập từ 70 triệu đồng đến 100 triệu đồng. Người Tày ở Bản Hồ có thu nhập từ du lịch 1 năm từ 15 triệu đến 20 triệu đồng 1 hộ. Người Dao ở Tả Phìn thu nhập từ 7 đến 9 triệu đồng/1hộ còn người H'Mông ở Lao Chải chỉ thu nhập từ 4 đến 6 triệu đồng/1hộ. Như vậy mức thu nhập bình quân từ du lịch của người Kinh cao gấp từ 12 đến 25 lần người H'Mông. Còn người Tày ở Bản Dền có mức thu nhập từ du lịch cao gấp 3 đến 5 lần người H'Mông. Người Dao cũng thu nhập từ du lịch cao hơn từ 1,5 đến 2 lần người H'Mông. Như vậy, so với các dân tộc khác, người H'Mông là cộng đồng chỉ

được hưởng lợi rất thấp từ du lịch. Hầu hết các dịch vụ, các nguồn thu đều do ngành du lịch từ nơi khác đến quản lý. Còn người H'Mông cũng nhu đa số người địa phương ở Sa Pa - những chủ nhân của nguồn lực du lịch bản làng lại bị gạt ra ngoài lề của vòng quay du lịch. Ngay từ thập kỷ 90, khi du lịch mới bắt đầu phát triển ở Sa Pa, tổ chức IUCN đã cảnh báo Sa Pa chỉ là nơi cung cấp dịch vụ, xây dựng cơ sở hạ tầng còn các doanh nghiệp bên ngoài thu lợi nhuận. Hiện nay, tình trạng này vẫn diễn ra khá gay gắt.

Du lịch đã tác động mạnh mẽ đến phân công lao động trong xã hội người H'Mông, xuất hiện một số ảnh hưởng tiêu cực như tệ nạn trẻ em lang thang bỏ học và phụ nữ bán hàng rong bám đuôi du khách.

Trẻ em ở các làng người H'Mông là điếm du lịch không đi học hoặc bỏ học nhiều hơn các làng không nằm trong tuyến du lịch. Làng Sáo Mí Tỉ nằm trên sườn núi Phan Xi Păng, tỷ lệ trẻ em đến tuổi không đi học chỉ chiếm 17,8% nhưng ở xã Lao Chải, điều tra vào đầu tháng 10 - 2008 có tới 49,6% số học sinh từ 6 đến 14 tuổi không đến lớp học. Trong đó số học sinh nữ đi học cấp I chỉ chiếm 45% số học sinh nữ đi học cấp II chỉ còn 33,5% (3). Nguyên nhân chủ yếu là các em học sinh cấp II, nhất là học sinh nữ là lực lượng chủ lực tham gia đội quân bán hàng cho khách du lịch. Nguồn thu từ việc phục vụ du khách khá hấp dẫn nên càng kích thích các em bỏ học, giảm tỷ lệ chuyên cần ở các lớp có học sinh lớn.

*Biểu số 6: Tỷ lệ chuyên cần từ 26/9 đến 1/10 năm 2008
của học sinh trường Lao Chải*

Lớp	Thứ hai		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7	
	Số HS đến lớp	%	Số HS đến lớp	%	Số HS đến lớp	%	Số HS đến lớp	%	Số HS đến lớp	%	Số HS đến lớp	%
Mẫu giáo	14	93,3	14	93,3	15	100	15	100	14	93,1	12	80,0

Lớp 1	12	100	12	100	12	100	12	100	12	100	12	100
Lớp 2	19	95,5	19	95,5	20	100	19	95,5	17	85,5	16	80,0
Lớp 3	12	80,0	13	86,6	13	86,6	11	73,3	11	73,3	12	80,0
Lớp 4	10	66,6	12	80,0	13	86,6	12	80,0	12	80,0	10	66,6
Lớp 5	11	64,7	13	76,5	14	82,3	13	76,5	12	70,6	10	58,8
Lớp 6	16	61,4	18	69,2	18	69,2	21	80,0	16	77,8	14	53,8
Lớp 7	25	61,4	26	72,2	24	66,7	27	75,5	28	56,7	23	63,9
Lớp 8	17	56,7	16	53,3	18	60,0	17	56,7	17	87,5	20	33,3
Lớp 9	18	85,7	18	85,7	18	85,7	19	90,5	18	67,8	18	85,7

Nguồn: Trường cấp I, II Lao Chải

Như vậy, qua biểu thống kê trên, nhận thấy tỷ lệ chuyên cần học sinh rất thấp, trung bình trong tuần chỉ đạt 67,9%. Điều đặc biệt là thứ 7 cuối tuần và thứ hai đầu tuần tỷ lệ học sinh chuyên cần thấp nhất, chỉ đạt trung bình 57,2% toàn trường. Trong đó, học sinh từ lớp 4 đến lớp 8 (lứa tuổi bán hàng rong), cứ đến thứ 7 và thứ hai bỏ học nhiều nhất, có lớp chỉ có 33,3 % số em đi học (lớp 8) vào thứ 7. Ngày thứ 7 cuối tuần và thứ hai đầu tuần là những ngày có đông du khách đến thị trấn và đến Lao Chải. Do đó các em bỏ học nhiều để đi bán hàng rong, tăng thêm thu nhập cho gia đình.

Tình trạng học sinh bỏ học, lang thang trên thị trấn Sa Pa xuất hiện từ giữa thập kỷ 90 của thế kỷ 20 (4). Chính quyền các cấp ở Sa Pa đã có nhiều cố gắng giải quyết vấn đề này. Hội phụ nữ, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh của huyện Sa Pa được một số tổ chức phi chính phủ tài trợ kinh phí lập các dự án đào tạo việc làm, mở lớp học cho các em. Tuy nhiên, hiện tượng các em bỏ học bán hàng rong lang thang ở các điểm du lịch, ở các thị trấn vẫn tồn tại khá phổ biến.

Số phụ nữ bán hàng rong, đeo bám khách cũng diễn ra thường xuyên ở mọi địa điểm du khách tham quan. Hiện tượng chèo kéo, ép mua đồ lưu niệm thường xuyên xảy ra. Vào ngày thứ 7, chủ nhật có tới gần 200 phụ nữ, trẻ em các làng

người H'Mông đổ về thị trấn bán hàng rong. Ở các làng Tả Van, Lao Chải, Bản Pho cũng có tới 30 đến 40 phụ nữ chèo kéo khách mua đồ thổ cẩm. Hiện tượng chèo kéo này du khách rất phản đối, gây ảnh hưởng tiêu cực đến vấn đề phát triển du lịch và đời sống văn hoá các làng người H'Mông.

Du lịch tác động tiêu cực đến đời sống văn hoá người H'Mông, nhiều di sản văn hoá vật thể và phi vật thể truyền thống bị biến dạng, nghèo nàn hoặc bị “đóng giả”, lợi dụng phục vụ mục đích “thương mại hoá”, tạo nhiều nguồn thu. Điển hình là du khách ồ ạt đến xem các sinh hoạt giao duyên của trai gái H'Mông, Dao tối thứ 7 khiến cho các sinh hoạt giao duyên biến mất. Chợ phiên ở vùng cao không chỉ là nơi trao đổi hàng hoá mà còn là nơi giao lưu tình cảm. Chợ là nơi gặp mặt của tình yêu. Người H'Mông ở Sa Pa đi chợ phải đi từ chiều hôm trước. Buổi tối trước phiên chợ là ngày hội của nam nữ thanh niên. Họ thổi sáo, gảy đàn môi, hát giao duyên. Nhưng từ đầu thập kỷ 90 của thế kỷ 20, dòng người du lịch ồ ạt đổ về xem sinh hoạt “chợ tình”. Những tình cảm sâu kín của nam nữ thanh niên luôn bị chụp ảnh, quay phim, hoặc trở thành một trò vui kỳ lạ cho du khách. Sinh hoạt giao duyên buổi tối trước hôm chợ không còn diễn ra ở thị trấn. Trước nhu cầu của du khách, một số người đóng giả sinh hoạt văn hoá giao duyên bằng múa khèn, thổi sáo. Các sinh hoạt này mang nặng tính chất thương mại, trở thành một sản phẩm làm giả để thu tiền.

Người H'Mông có nghề thổ cẩm tinh xảo. Một tấm thổ cẩm được sản xuất phải qua nhiều công đoạn dệt, nhuộm, tạo hoa văn công phu. Dệt xong tấm vải lanh, người H'Mông phải nhuộm từ 12 đến 15 lần mới tạo thành tấm vải bền màu. Nhưng muốn tạo sự láng bóng của vải, người H'Mông còn phải bôi sáp ong lên vải và lăn trên phiến đá. Người lăn đứng trên phiến đá dùng chân day đi day lại, cho đến khi vải mềm, ánh bóng màu tím than. Tạo được vải, phụ nữ H'Mông còn phải áp dụng cả ba thủ pháp nghệ thuật in sáp ong, thêu, ghép vải tạo hoa văn. Các mẫu hoa văn truyền thống giàu tính biểu tượng phản ánh cả tín hiệu văn hoá tộc người, lịch sử di cư. Nhưng hiện nay, do nhu cầu cần “nhanh, nhiều, rẻ” nên người H'Mông dùng máy khâu thêu hoa văn. Các mô típ hoa văn đơn giản đã thay thế hoa văn đặc sắc cổ truyền. Vì vậy giá trị nghệ thuật trong thổ cẩm H'Mông bị mai

một, đứt đoạn với truyền thống. Các họa tiết hoa văn giàu tính biểu tượng đã nhường chỗ cho các hoa văn đơn giản loè loẹt phổ biến khắp từ Côn Minh Vân Nam Trung Quốc đến Hà Nội. Bản sắc nghệ thuật thổ cẩm H'Mông đang có nguy cơ suy tàn, kho tàng hoa văn thổ cẩm H'Mông ở Sa Pa không còn nét độc đáo, mất tín hiệu văn hoá tộc người.

Tương tự như vậy, các sản phẩm thủ công như chạm khắc bạc, làm đồ gỗ, làm nhạc cụ cũng chạy theo số lượng, làm sản phẩm kém chất lượng, thậm chí còn là đồ giả bán cho du khách. Điển hình nhất là các đồ trang sức bằng bạc được thay thế bằng nhôm. Thậm chí, ở nhiều làng, người H'Mông không làm đồ chạm khắc bạc mà đi mua đồ trang sức của người Kinh ở miền xuôi đem bán kiếm lời. Nhưng nguy cơ đứt đoạn văn hoá, đánh mất bản sắc văn hoá dân tộc còn diễn ra nghiêm trọng khi một bộ phận người H'Mông qua sự tuyên truyền của du khách chối bỏ tín ngưỡng truyền thống theo đạo Tin lành. Đạo Tin lành theo bước chân của du khách len lỏi đến các làng người H'Mông Sa Pa dẫn đến tình trạng gây mất ổn định trong một làng, một dòng họ. Mâu thuẫn giữa người theo đạo với người theo tín ngưỡng cổ truyền liên tiếp xảy ra ở khắp các làng H'Mông gắn với các điểm du lịch.

2.3.4. Hiện trạng các nhà quản lý và đội ngũ lao động

Mặc dù thấy rõ tầm quan trọng của nguồn tài nguyên văn hóa không chỉ đối với xã hội và tín ngưỡng tinh thần mà còn liên quan đến du lịch, song cho đến nay vấn đề quản lý tổ chức khai thác những giá trị này vẫn còn hạn chế.

Vấn đề tổ chức kinh doanh các hoạt động lưu trú tại các bản, xã du lịch đã được ban quản lý các cấp ngành quan tâm, chỉ đạo, hướng dẫn người dân. Song việc kinh doanh, đón tiếp khách vẫn do người dân tự đứng ra tổ chức.

Đội ngũ lao động du lịch khá đông đảo, chủ yếu là dân cư địa phương, họ hiểu biết rõ về nền văn hóa của địa phương, nhiệt tình tuy nhiên họ lại không qua đào tạo chính quy nên nghiệp vụ vẫn còn hạn chế.

Tiểu kết chương 2

Việt Nam với lịch sử hàng nghìn năm văn hiến, nước ta có nguồn tài nguyên du lịch nhân văn phong phú đậm đà bản sắc dân tộc, cùng với nguồn tài nguyên du lịch tự nhiên đa dạng, là nền tảng cho việc phát triển du lịch và có giá trị cao đối với việc thu hút khách đến tham quan tìm hiểu.

Chương 2 với việc đánh giá được rút ra từ việc tìm hiểu, phân tích một số khía cạnh văn hóa của tộc người H'mông ở Sapa. Văn hóa của tộc người H'mông rất phong phú, đa dạng tuy nhiên vẫn chưa được khai thác hết tiềm năng để phát triển du lịch. Người H'mông có nhiều nét đẹp về văn hóa như: trang phục, phong tục tập quán, ẩm thực... Trong chương 2 em cũng nêu nên những thực trạng, tác động của du lịch tới văn hóa tộc người H'mông ở SaPa. Trên cơ sở đó em sẽ đưa ra một số giải pháp nhằm gìn giữ, khai thác văn hóa tộc người H'mông vào việc phát triển du lịch tại huyện Sapa ở chương 3.

CHƯƠNG 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM GÌN GIỮ VÀ KHAI THÁC HIỆU QUẢ NHỮNG GIÁ TRỊ VĂN HÓA TỘC NGƯỜI H'MÔNG PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN DU LỊCH TẠI HUYỆN SAPA

3.1. Những tiền đề để định hướng phát triển

Để có được giải pháp nhằm khai thác có hiệu quả những giá trị văn hóa tộc người vào hoạt động kinh doanh du lịch tại huyện SaPa, chúng ta không chỉ nắm bắt được tình hình chủ trương chính sách của chính quyền địa phương mà phải biết phương hướng phát triển chung toàn ngành. Trên cơ sở đó mới có thể đề ra hướng đi đúng đắn khai thác tốt các giá trị văn hóa tộc người vào hoạt động du lịch.

Bên cạnh những thành tựu đạt được, trong thời gian qua du lịch Việt Nam cũng đã hiện diện những hạn chế và yếu kém cần được điều chỉnh như: nhận thức của xã hội về du lịch chưa đồng đều; cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật chưa đồng bộ; lượng khách thu hút chưa tương xứng với tiềm năng; chưa có bước phát triển đột phá để khẳng định du lịch thực sự là ngành kinh tế mũi nhọn...

Vì vậy, yêu cầu thiết thực về việc xây dựng chiến lược phát triển du lịch giai đoạn mới với quan điểm phát triển đột phá, các định hướng có chọn lọc cùng các giải pháp mang tính khả thi cao... nhằm đáp ứng được những yêu cầu mới của thời đại về tính chuyên nghiệp, hiện đại, hội nhập và tính hiệu quả, tương xứng với tiềm năng đất nước được đặt ra.

Mục tiêu của chiến lược phát triển du lịch đến năm 2020 là du lịch cơ bản trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, có tính chuyên nghiệp, hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật tương đối đồng bộ, hiện đại, sản phẩm du lịch chất lượng cao, đa dạng, có thương hiệu, có sức cạnh tranh, mang đậm bản sắc văn hoá dân tộc, thân thiện với môi trường... đưa Việt Nam trở thành điểm đến đẳng cấp trong khu vực. Năm 2030, đưa Việt Nam thành một trong những điểm đến du lịch ưa chuộng, có đẳng cấp trên thế giới.

Cụ thể, đến năm 2015 tăng trưởng du khách sẽ đạt 7-8 triệu khách quốc tế, 32- 35 triệu khách nội địa. Đến năm 2020 thu hút 11- 12 triệu khách quốc tế và 45-

48 triệu lượt khách nội địa. Và, đến năm 2030 các con số này đạt 19- 20 triệu khách quốc tế, 70 triệu khách nội địa.

Thu nhập du lịch đạt 10- 11 tỷ USD năm 2015, 18- 19 tỷ USD năm 2020 và tăng gấp đôi vào năm 2030.

Theo đó, GDP du lịch toàn quốc năm 2015 sẽ chiếm 5,5 – 6% và năm 2020 đạt 6,5-7%/tổng GDP cả nước.

Trên cơ sở mục tiêu hướng tới, Bộ VH,TT&DL cũng đã xác định các chiến lược thành phần để phát triển du lịch nước nhà một cách hiệu quả.

Về phát triển sản phẩm, thị trường: Tập trung xây dựng hệ thống sản phẩm, loại hình du lịch đặc trưng và chất lượng cao trên cơ sở phát huy giá trị tài nguyên du lịch độc đáo, đặc sắc, có thể mạnh nổi trội.

Cụ thể, đó là phát triển mạnh du lịch biển với hệ thống sản phẩm cạnh tranh khu vực về nghỉ dưỡng, tham quan thắng cảnh; Phát triển du lịch văn hoá gắn với di sản, lễ hội, tham quan và tìm hiểu văn hoá, lối sống địa phương... Đẩy mạnh phát triển du lịch nghỉ dưỡng sinh thái, khám phá hang động, du lịch sinh thái nông nghiệp, nông thôn.

Các thị trường quốc tế được tính đến là: Đông Bắc Á (Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc), Đông Nam Á và Thái Bình Dương (Singapore, Indonesia, Thái Lan, Úc); đồng thời tăng cường khai thác thị trường khách cao cấp đến từ Tây Âu (Pháp, Đức, Anh, Hà Lan; Bắc Mỹ (Mỹ, Canada) và Đông Âu (Nga, Ucraina); mở rộng thị trường mới đến Ấn Độ và Trung Đông.

Về phát triển thương hiệu, mục tiêu tạo dựng được thương hiệu du lịch Việt Nam và một số thương hiệu du lịch nổi bật được biết đến rộng rãi trong khu vực và trên thế giới. Xây dựng hệ thống bài bản các thương hiệu: Du lịch Việt Nam, thương hiệu du lịch vùng, điểm đến, thương hiệu sản phẩm du lịch, thương hiệu doanh nghiệp du lịch, các địa danh nổi tiếng...

Về xúc tiến quảng bá lấy sản phẩm du lịch và thương hiệu du lịch làm nội dung trọng tâm hướng tới thị trường mục tiêu. Đầu tư ứng dụng công nghệ cao, khai thác tối ưu công nghệ thông tin, truyền thông, phối hợp với các đối tác quốc tế...

Về phát triển nguồn nhân lực: Xây dựng lực lượng lao động ngành du lịch đủ về số lượng và đáp ứng yêu cầu về chất lượng, đảm bảo tính chuyên nghiệp, đủ sức cạnh tranh và hội nhập khu vực, góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ du lịch. Về phát triển du lịch theo vùng: Sẽ thực hiện trên 7 vùng lãnh thổ phù hợp với đặc điểm tài nguyên du lịch gắn với vùng kinh tế, văn hoá, vùng địa lý, khí hậu và các hành lang kinh tế; trong đó có các địa bàn trọng điểm du lịch tạo thành các cụm liên kết phát triển mạnh về du lịch.

Các vùng du lịch gồm: Vùng trung du miền núi phía Bắc, vùng đồng bằng sông Hồng và duyên hải Đông Bắc, vùng Trung Bộ, vùng duyên hải Nam Trung Bộ, vùng Tây Nguyên, vùng Đông Nam Bộ và vùng Tây Nam Bộ. Trong đầu tư phát triển du lịch, đầu tư nâng cao năng lực và chất lượng cung ứng du lịch, tăng cường đầu tư cho cơ sở hạ tầng, xúc tiến quảng bá và xây dựng thương hiệu du lịch.

Đáng chú ý là Nhà nước tiếp tục hỗ trợ đầu tư phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng du lịch, thu hút sự tham gia của khu vực tư nhân vào đầu tư hạ tầng cũng như vật chất kỹ thuật dịch vụ du lịch; ưu tiên vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo nơi có tiềm năng du lịch. Chú trọng đầu tư cho thương hiệu du lịch quốc gia và các thương hiệu du lịch quan trọng; tăng cường cho xúc tiến quảng bá, nâng cao chất lượng đào tạo nhân lực bậc cao.

Đặc biệt, tôn tạo tài nguyên du lịch, nâng cấp các di tích, di sản để phát huy giá trị khai thác phục vụ du lịch hiệu quả; quy hoạch phục hồi những công trình kiến trúc có giá trị, phát triển các bảo tàng và các công trình văn hoá lớn phục vụ tham quan du lịch.

Đầu tư hình thành, phát triển các khu, điểm du lịch trọng điểm: tạo điều kiện thu hút đầu tư nước ngoài vào các khu du lịch nghỉ dưỡng vùng ven biển, các khu nghỉ dưỡng núi, các khu du lịch tổng hợp, giải trí chuyên đề, kết hợp trung tâm thương mại, mua sắm, hội nghị hội thảo.

Tin rằng, với những định hướng mang tính chiến lược, lâu dài và những chương trình, kế hoạch tổ chức thực hiện hiệu quả, chắc chắn du lịch Việt Nam sẽ có bước đột phá mới trong những năm tới đây.

3.2. Các giải pháp chung cho việc phát triển du lịch văn hóa của tỉnh Lào Cai

3.2.1. *Đẩy mạnh công tác tuyên truyền*

Phải tạo sự chuyển biến về nhận thức và sự đổi mới trong công tác lãnh đạo của các cấp uỷ, chính quyền cơ sở, và nêu cao trách nhiệm của các đoàn thể, của toàn dân đối với sự nghiệp phát triển văn hoá. *Bảo tồn, khai thác và phát triển bản sắc văn hoá các dân tộc bằng các biện pháp:*

Đẩy mạnh tuyên truyền bằng các đội thông tin lưu động, chiếu bóng lưu động, và các kênh tuyên truyền trực tiếp.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền trên hệ thống thông tin đại chúng, tăng thời lượng tuyên truyền, giới thiệu di sản Văn hoá dân tộc ở Lào Cai...

Đưa nội dung bảo tồn và phát triển bản sắc văn hoá dân tộc vào chương trình đào tạo của các Trường chính trị, chương trình các lớp tập huấn cán bộ, chương trình ngoại khoá của các trường chuyên nghiệp, trung học phổ thông...

Có chương trình tuyên truyền quảng cáo di sản văn hoá các dân tộc Lào Cai trên Đài Truyền hình Việt Nam.

Phấn đấu đến năm 2005 – 2008 xây dựng hoàn thiện trang Website giới thiệu di sản văn hoá các dân tộc Lào Cai trên hệ thống Internet.

3.2.2. Tăng cường đầu tư về nhân lực - tổ chức

Thành lập một bộ phận nghiên cứu sưu tầm di sản văn hoá trực thuộc Sở Văn hoá - Thông tin - Thể thao. Bộ phận này vừa làm nhiệm vụ tham mưu quản lý vừa có khả năng phối hợp với các ngành, các đơn vị tổ chức thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu - bảo tồn, sưu tầm, phát triển các di sản văn hoá.

Từ năm 2005 - 2010 là tổ nghiên cứu có 2 - 3 biên chế gồm các chuyên viên có trình độ nghiên cứu, bảo tồn (Thạc sĩ hoặc Cử nhân)

Từ năm 2010 - 2015: Thành lập trung tâm nghiên cứu sưu tầm di sản văn hoá dân tộc trực thuộc Sở Văn hoá - Thông tin - Thể thao. Biên chế của trung tâm chỉ có từ 3 đến 5 biên chế chính thức, còn chủ yếu hợp đồng trả lương khoán theo khối lượng công việc, theo đề tài. Coi trọng đào tạo các cán bộ chuyên môn người dân tộc, xây dựng đội ngũ cán bộ chuyên sâu, một số người trở thành chuyên gia.

Củng cố và phát triển các chi hội văn nghệ dân gian, chi hội văn học nghệ thuật dân tộc thiểu số, chi hội dân tộc học... nhằm tập hợp lực lượng đẩy mạnh công tác nghiên cứu, sưu tầm, phổ biến di sản văn hoá các dân tộc.

Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng hệ thống các cán, bộ nghiệp vụ và quản lý ở cấp huyện và cơ sở về kiến thức văn hoá các dân tộc. Đặc biệt thường xuyên mở các lớp tập huấn về phương pháp nghiên cứu, sưu tầm phổ biến, quản lý di sản văn hoá dân tộc cho đội ngũ cán bộ văn hoá, đội ngũ các nghệ nhân, cộng tác viên ở các cơ sở.

Đẩy mạnh liên kết với các viện nghiên cứu, các trường đại học, các hội chuyên ngành ở Trung ương tổ chức nghiên cứu, sưu tầm bảo tồn khai thác, phát huy các di sản văn hoá ở Lào Cai.

3.2.3. Có cơ chế chính sách phù hợp

Vấn đề nghiên cứu sưu tầm, bảo tồn, phát huy di sản văn hoá các dân tộc là lĩnh vực đòi hỏi lao động sáng tạo, đầu tư chất xám. Xem xét vận dụng

thông tư Liên bộ Tài chính - Khoa học Công nghệ và Môi trường số 45/2001/TTLT/BTC - KH-CNMT ngày 18/6/2001 cho chi tiêu đối với các hoạt động nghiên cứu, sưu tầm, bảo tồn, phát huy các di sản văn hoá.

Xây dựng chế độ thù lao hợp lý đối với các nghệ nhân cung cấp thông tin, truyền dạy, phổ biến tri thức di sản văn hoá phi vật thể. Đặc biệt coi trọng việc khuyến khích các nghệ nhân truyền dạy văn hoá phi vật thể cho thế hệ trẻ.

Xây dựng một số chính sách về bảo tồn di sản văn hoá:

Các di tích lịch sử - văn hoá là các công trình đền, chùa, miếu...khi trùng tu tôn tạo sẽ thành lập quỹ trùng tu di tích. Quỹ kêu gọi sự ủng hộ, giúp đỡ vốn đối với các nhà hảo tâm, các doanh nghiệp. Các công trình này có bia khắc tên ghi công tập thể, cá nhân ủng hộ theo quy chế.

Các di tích có nguồn thu được trích một phần kinh phí thu được cho cơ sở có di tích phục vụ vào việc bảo vệ, chi phí quản lý di tích, nhằm gắn quyền lợi di tích, với cộng đồng dân cư có di tích để bảo vệ di tích được hiệu quả. Đồng thời xây dựng đội ngũ cán bộ cơ sở bảo vệ di tích. Chế độ thù lao được chi trả theo nguồn thu được trích lại.

Các làng cổ do Nhà nước và người dân cùng tham gia bảo tồn. Vấn đề quản lý làng do người dân thực hiện theo sự quản lý hướng dẫn của ngành Văn hoá - TT-TT

3.3. Một số giải pháp khai thác các yếu tố văn hóa tộc người H'mông tại Sapa

3.3.1 Phương hướng phát triển

Các nhà quản lý khu du lịch dựa vào các quan điểm, đường lối chung cùng nỗ lực của chính đơn vị trực tiếp quản lý nơi đây để đưa ra phương hướng cụ thể cho sự phát triển du lịch của Sapa. Từ đó từng bước tháo gỡ những khó khăn còn tồn tại với mục đích phát huy hơn nữa những tiềm năng giàu có của vùng, hòa nhập với sự phát huy chung.

Khi thực hiện làm sao để những chiến lược, chính sách mang tính tổng thể được vận dụng linh hoạt vào thực tế. Trong đó, phát triển du lịch bền vững kết hợp với việc xây dựng một môi trường văn hóa trong du lịch là mục tiêu quan trọng hàng đầu được đặt ra trong du lịch địa phương. Bên cạnh đó, hiệu quả về các mặt kinh tế, chính trị, an ninh trật tự, môi trường sinh thái... cũng cần hết sức quan tâm.

Hơn nữa hoạt động du lịch lại mang tính liên ngành, liên vùng, xã hội hóa cao. Vì vậy phát triển văn hóa tộc người Hmông tại Sapa không chỉ là trách nhiệm của riêng huyện Sapa mà còn là nhiệm vụ của các cấp, các ngành... Do đó, trong quá trình hoạt động du lịch cần có sự hỗ trợ mọi mặt từ nhiều phía, đặc biệt là chính quyền địa phương và cộng đồng dân tộc Hmông.

Tóm lại, nhằm phát huy tiềm năng du lịch giàu có của mình hòa nhập chung vào sự phát triển của tỉnh Lào Cai, du lịch Sapa cần đảm bảo những yêu cầu sau:

Chiến lược phát triển du lịch cần gắn chặt với chiến lược phát triển kinh tế, xã hội của huyện, tỉnh và hệ thống chính sách đồng bộ.

Phát triển du lịch đi đôi với việc bảo vệ môi trường thiên nhiên để đảm bảo tính ổn định của tiềm năng khai thác các sản phẩm của du lịch và duy trì bản sắc riêng, làm phong phú hơn các loại hình du lịch.

Khuyến khích rộng rãi nhân dân địa phương tham gia các hoạt động du lịch theo quan điểm: vừa là người bảo vệ, khai thác tạo ra các tài nguyên du lịch và cũng là người được hưởng lợi ích từ hoạt động du lịch.

Không chỉ riêng Sapa mà nhiều khu du lịch, điểm du lịch cũng thống nhất quan điểm “xây dựng, điều hành, khai thác kinh doanh du lịch phản ánh được đời sống tinh thần văn hóa truyền thống và cảnh quan tươi đẹp của Việt Nam”.

3.3.2. Xây dựng quy hoạch tổng thể và chi tiết phát triển văn hóa tộc người H'mông

Mặc dù huyện có ban tuyên giáo chuyên phụ trách về mảng dân tộc và có phòng Văn hóa Thông tin bao gồm cả bộ phận du lịch, nhưng thực tế ở Sapa hiện nay vẫn chưa có một quy hoạch cụ thể nào để khai thác tiềm năng du lịch nhân văn của tộc người H'mông. Việc định hướng xây dựng quy hoạch tổng thể và chi tiết du lịch vẫn mang tính chất tự phát do người dân tiến hành là chủ yếu. Và có nhiều vấn đề nảy sinh trong việc khai thác nguồn lực này cho việc phát triển du lịch. Vì vậy, cần có giải pháp để khắc phục vấn đề này.

Để giải quyết được vấn đề này, Ủy Ban Nhân Dân huyện Sapa cùng các cấp, các ngành liên quan phải tái lập lại phòng du lịch, ban ngành riêng về vấn đề dân tộc, có quy chế tổ chức, quy chế hoạt động để quản lý tốt nguồn tài nguyên này. Đòi hỏi Ủy Ban Nhân Dân các xã, ban lãnh đạo các địa phương cần xây dựng các văn bản cụ thể để khai thác các yếu tố văn hóa cho du lịch, đồng thời góp phần bảo vệ văn hóa địa phương.

Trong khi quy hoạch cần có sự nghiên cứu tài nguyên văn hóa cho du lịch một cách công phu, khoa học. Đồng thời ngành du lịch khi khai thác tài nguyên cần chú ý đến việc xây dựng các chương trình du lịch văn hóa, đưa vào đó các giá trị đặc sắc của nền văn hóa nơi đây. Chính vì vậy, để phát triển văn hóa tộc người huyện Sapa, cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa ngành văn hóa và du lịch, tạo ra những sản phẩm du lịch văn hóa đặc sắc. Đồng thời, phát triển du lịch nhưng không được làm mai một các giá trị văn hóa. Khi đưa ra các biện pháp bảo tồn văn hóa, ngoài mục đích để phục vụ du lịch, cần phải giữ nguyên bản vốn có của nó, gìn giữ một cách có trách nhiệm tài sản văn hóa quý giá của quốc gia.

Điều quan trọng nữa là, ngành Văn hóa và Du lịch trong khi khai thác phải có sự phối hợp quản lý với cán bộ địa phương và cư dân địa phương để tránh tình trạng chia rẽ, mạnh ai lấy làm giữa những người làm công tác quản lý và cư dân địa phương.

3.3.3. Các giải pháp cụ thể

- ***Du lịch đã tác động mạnh mẽ đến làng H'Mông vì vậy muốn phát huy các ảnh hưởng tích cực, giảm thiểu các tác động tiêu cực cần xây dựng chiến lược phát triển du lịch bền vững ở SaPa.***

Định nghĩa về phát triển du lịch bền vững đã được Hội đồng Du lịch và Lữ hành quốc tế (WTTC) đưa ra năm 1996: “*Du lịch bền vững là việc đáp ứng các nhu cầu hiện tại của du khách và vùng du lịch mà vẫn bảo đảm những khả năng đáp ứng nhu cầu cho các thế hệ du lịch tương lai*” (5).

Từ định nghĩa của Hội đồng du lịch và Lữ hành quốc tế đưa ra năm 1996 đến nay, vấn đề phát triển du lịch bền vững đã đề ra 3 yêu cầu cơ bản:

- Bảo đảm những hoạt động kinh tế sống động lâu dài, đem lại lợi ích kinh tế, xã hội và phân phối công bằng hợp lý cho mọi thành viên, cho cả những cộng đồng nơi du khách tới du lịch.

- Tôn trọng tính đa dạng văn hoá, tôn trọng bản sắc văn hoá của cộng đồng cư dân địa phương.

- Sử dụng tài nguyên môi trường tối ưu nhằm phát triển du lịch, bảo tồn tài nguyên thiên nhiên và đa dạng sinh học (6).

Nhưng muốn phát triển du lịch bền vững ở SaPa cần xây dựng hệ thống quan điểm, đề xuất một số chính sách, xây dựng các mô hình cụ thể.

Trước hết, về nhận thức, cần đề cao vai trò của cư dân ở SaPa (trong đó có cộng đồng người H'Mông) trong phát triển du lịch. Họ phải thực sự là chủ nhân của chiến lược phát triển du lịch bền vững. Các làng người H'Mông (cũng như người Dao, Xa Phó, Tày) không được tôn trọng, không được tham gia vào vòng quay của du lịch thì chiến lược phát triển du lịch bền vững không thể thực hiện được.

- ***Phát triển du lịch bền vững ở Sa Pa phải xây dựng và thực thi hàng loạt chính sách nhằm nâng cao vai trò của cộng đồng người dân địa phương (cộng đồng các làng H'Mông).***

Chính quyền các cấp ở Lào Cai và Sa Pa phải trao quyền cho các làng người H'Mông tham gia quá trình xây dựng kế hoạch (dự án) và đề ra các quyết định về quản lý du lịch, phát triển du lịch tại địa phương có sự tham gia của các tổ chức tư vấn và thành phần hữu quan khác. Đồng thời người H'Mông ở các “giao” cũng phải được tham gia cung cấp các dịch vụ du lịch như dịch vụ ăn nghỉ, giải trí, mua bán.... cho du khách. Ở đây đòi hỏi có các chính sách điều tiết cụ thể:

- Chính sách bắt buộc phải sử dụng nguồn nhân lực tại các làng người H'Mông: đào tạo các hướng dẫn viên, các nhân viên phục vụ nhà nghỉ tại các làng H'Mông.

- Chính sách xây dựng quỹ hỗ trợ phát triển du lịch bền vững mà đối tượng hưởng lợi trực tiếp là cộng đồng cư dân địa phương tham gia du lịch.

- Chính sách điều tiết hưởng lợi bằng nguồn thuế, lệ phí cho các điểm du lịch ở các làng bản... Trao quyền quản lý thu lệ phí ở Cát Cát, Tả Phìn, Cầu Mây cho cộng đồng địa phương.

Đồng thời, chính quyền và ban ngành quản lý du lịch cần tuyên truyền và vận động nhân dân nâng cao ý thức bảo vệ môi trường, gìn giữ và bảo tồn các nét đẹp văn hóa truyền thống, xây dựng tập tục lành mạnh

Người dân địa phương là những người trực tiếp gìn giữ, bảo tồn và truyền lại những giá trị văn hóa cho thế hệ sau, họ cũng là người trực tiếp tiếp xúc với khách du lịch. Vì vậy, những hành động ứng xử, thái độ của họ đều ảnh hưởng lớn tới tâm lý khách du lịch. Chính quyền địa phương cần ý thức được điều này, có sự khích lệ, ưu đãi kịp thời với người dân địa phương.

- ***Xây dựng mô hình các làng du lịch văn hoá trở thành điểm du lịch hấp dẫn của người H'Mông Sa Pa***

Làng văn hoá là một mô hình của một điểm du lịch có tài nguyên du lịch nhân văn và tự nhiên, được tổ chức khai thác phục vụ du khách theo hướng phát triển du lịch bền vững. Ở Sa Pa hiện nay có 61 làng người H'Mông, trong đó có 11 làng có khả năng xây dựng làng du lịch văn hoá như Cát Cát, Sín Chải, Lý Lao Chải, Lò Hùng Chải, Hang Đá, Tả Van H'Mông, Sáo Mí Tỉ, Giàng Tả Chải, Thải

Giàng Phình, Sứ Pán, Ý Linh Hồ. Xây dựng các làng H'Mông thành các làng du lịch văn hoá cần một số điều kiện cụ thể:

- Làng du lịch văn hoá phải là làng có các di sản văn hoá vật thể và phi vật thể mang tính đặc trưng tộc người, độc đáo và hấp dẫn du khách.
- Làng du lịch văn hoá phải có cảnh quan, môi trường sạch đẹp.
- Làng du lịch văn hoá phải có cơ sở hạ tầng thuận lợi, có khả năng phục vụ du khách tham quan và nghỉ lưu trú qua đêm.

Từ những điều kiện như vậy, cần nghiên cứu các di sản văn hoá tộc người xây dựng thành các sản phẩm du lịch, các dịch vụ du lịch. Mỗi một làng cần nghiên cứu sự độc đáo trong tài nguyên du lịch nhân văn, tài nguyên tự nhiên xây dựng các hoạt động phục vụ du lịch, cụ thể:

- Khôi phục các làng nghề thủ công truyền thống như thêu dệt, in sáp ong, ghép vải hoa văn tạo ra các sản phẩm thổ cẩm mới, nghề chạm khắc bạc, nghề thêu rèn đúc, nghề làm đồ mộc gia dụng, đan lát.... Đồng thời các điểm sản xuất, nghề thủ công cũng trở thành điểm trình diễn, điểm tham quan của du khách. Các sản phẩm này được bày bán ngay tại các cơ sở sản xuất (các hộ gia đình), vừa xoá bỏ nạn bán hàng rong ở thị trấn, vừa thu hút du khách về làng.

- Tổ chức các dịch vụ do dân làng tham gia như dịch vụ leo núi, dịch vụ hướng dẫn viên bản địa, xây dựng các nhà nghỉ cộng đồng, phòng nghỉ đảm bảo yêu cầu vệ sinh, sạch đẹp tại gia đình, tổ chức các dịch vụ ăn uống giới thiệu văn hoá ẩm thực...

- Bảo tồn tôn tạo các di sản văn hoá vật thể, các cảnh quan phục vụ du khách tham quan như các khu rừng thiêng, kiến trúc nhà cửa, khu ruộng bậc thang, rừng thảo quả, nương trồng lanh, dòng suối v.v....

- Khôi phục và bảo tồn các di sản văn hoá phi vật thể, chú trọng tổ chức các lễ hội, các sinh hoạt văn hoá cộng đồng theo đúng thời điểm truyền thống, quảng bá du khách.

- Xây dựng các đội văn nghệ dân gian phục vụ du khách. Người H'mông có đời sống âm nhạc khá sôi động. Loại nhạc cụ tiêu biểu của người H'mông là khèn và sáo, ngoài ra còn có một số nhạc cụ đơn giản như kèn lá... Trong những buổi

chợ phiên hay trong những đêm trăng ta có thể nghe thấy những bản tình ca réo rất mời gọi trên các sườn núi, nẻo đường...Tuy nhiên, đến nay loại âm nhạc được coi là linh hồn của một dân tộc dường như chỉ được biết đến qua sách vở, đài báo, số người biết sử dụng loại nhạc cụ này ngày càng ít. Vì vậy, các cấp chính quyền cần phải có biện pháp bảo vệ loại văn hóa tinh thần này, tìm lại các bài dân ca, các bài hát và phát triển thành phong trào ca nhạc rộng rãi trong nhân dân.

Du lịch đã tác động mạnh mẽ đến các làng “giao” người H'Mông ở Sa Pa. Du khách không chỉ tác động đến đời sống kinh tế mà còn ảnh hưởng cả nếp sống văn hoá, đến vai trò của dòng họ, của bộ máy quản lý các làng H'Mông. Du lịch có ảnh hưởng tích cực, tăng nguồn thu cho người dân, góp phần xoá đói giảm nghèo, đề cao ý thức tự hào bản sắc văn hoá tộc người.... Nhưng du lịch cũng gây nên sự bất bình đẳng giữa thị trấn và nông thôn, sự hưởng lợi của dân làng H'Mông rất ít.... Đồng thời hàng loạt các vấn đề xã hội như trẻ em bỏ học lang thang, phụ nữ bán hàng rong chèo kéo khách ... cũng xảy ra khá phổ biến. Trước thực trạng đó cần xây dựng định hướng và giải pháp phát triển du lịch bền vững ở Sa Pa. Người H'Mông (cũng như các cộng đồng dân cư địa phương khác) phải là người chủ nhân thực sự của du lịch.

- ***Thu hút đầu tư du lịch***

Từ quy hoạch tổng thể và chi tiết cho du lịch Sapa cần xây dựng một cơ chế thông thoáng để thu hút đầu tư cho phát triển du lịch. Cần hoàn thiện một hệ thống văn bản pháp luật sao cho phù hợp với tình hình chung hiện nay để thu hút ngày càng nhiều hơn nguồn đầu tư từ phía nhà nước, doanh nghiệp trong nước và các tổ chức nước ngoài.

Nhà nước cần quan tâm hơn nữa tới các giá trị văn hóa của người dân tộc Hmông nói riêng và cộng đồng các dân tộc nói chung ở địa phương như lễ hội, nghề thủ công, ẩm thực... nên dành một khoản kinh phí cần thiết cho việc nghiên cứu các giá trị văn hóa để thúc đẩy hoạt động du lịch ở đây phát triển hơn nữa.

- ***Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, dịch vụ du lịch***

Việc xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật mang đậm yếu tố tộc người luôn hấp dẫn du khách. Nguồn tài nguyên du lịch ở SaPa khá dồi dào nhưng cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ khách vẫn còn nhiều hạn chế.

Do đó việc xây dựng cơ sở vật chất phục vụ khách du lịch phải được sự quan tâm của các cấp chính quyền. Phải có chiến lược xây dựng những nhà nghỉ phục vụ khách du lịch nhưng vẫn mang đậm bản sắc dân tộc H'mông. Đồng thời có những chính sách hỗ trợ, khuyến khích các hộ dân trong vùng tu sửa lại những ngôi nhà truyền thống tránh bị phá hủy hoặc lai tạp xây dựng bằng bê tông cốt thép. Việc tu sửa phải diễn ra đồng bộ và những công trình mới phải hài hòa với môi trường tự nhiên và môi trường văn hóa và phải được nhân dân địa phương chấp nhận.

Ngoài ra phải nhanh chóng xây dựng và hoàn thành các khu vui chơi giải trí dành cho khách du lịch và nhân dân địa phương. Để khách du lịch đến đây có thể tham gia trò chơi của dân tộc H'mông đồng thời có thể gìn giữ và phục hồi những trò chơi truyền thống, qua đó mà mối quan hệ giữa du khách và dân cư địa phương được thắt chặt.

Các nhà quản lý, các nhà làm du lịch và cộng đồng dân cư phải có trách nhiệm giới thiệu các đặc sản của địa phương, mở rộng dịch vụ bán hàng lưu niệm, những sản phẩm thủ công truyền thống như các sản phẩm từ nghề dệt thổ cẩm...

- ***Tuyên truyền quảng cáo tiếp thị du lịch***

Muốn phát triển du lịch văn hóa tộc người ở Sapa thì cần phải tuyên truyền quảng bá, tiếp thị du lịch cũng như các loại hình kinh doanh khác trong du lịch. Công việc này cần phải thực hiện ngay và thực hiện một cách đúng đắn tránh lãng phí vì đây là công tác tuyên truyền quảng bá du lịch và cũng là bộ mặt của địa phương, tránh tạo nên những thông tin không thật.

Phòng văn hóa huyện nên xuất bản những quyển sách mỏng, tờ gấp giới thiệu về du lịch toàn huyện nói chung và du lịch văn hóa tộc người H'mông nói riêng. Bên cạnh đó cần phối hợp với đài truyền hình Lào Cai xây dựng các trang du lịch địa phương, hay qua các phương tiện hiện đại như mạng Internet, lập các Website riêng giới thiệu về các tuyến- điểm du lịch của huyện, các thông tin chính

về điểm du lịch. Đồng thời cần phối hợp với các công ty lữ hành, sở văn hóa du lịch mở các tuyến du lịch và đăng tải nó trên báo địa phương.

Cùng với tuyên truyền quảng cáo cần phải đẩy mạnh công tác tiếp thị du lịch, tìm kiếm thị trường. Tiếp thị trong du lịch bao gồm: Thống kê, phân loại nhu cầu du khách, tập trung tìm kiếm thị trường mục tiêu và thị trường khách tiềm năng... Tuy nhiên, tiếp thị du lịch là một loại hình tiếp thị đặc biệt, hơn nữa lại tiếp thị loại hình du lịch văn hóa mang tính chất vô hình. Vì vậy người làm công tác tiếp thị phải có kiến thức vững vàng, có khả năng thuyết phục khách, am hiểu du lịch địa phương và am hiểu đối tượng khách mà mình đang hướng tới.

Tận dụng các cơ hội thuận lợi để tham gia các hội nghị, hội thảo để có điều kiện tiếp thị, tuyên truyền quảng bá cho du lịch văn hóa tộc người H'mông.

Một số tour du lịch

Sau đây là một số tour du lịch đi thăm bản làng người H'mông ở Sa Pa

Chương trình 1 (thời gian 3 ngày):

Ngày 1: Hải Phòng – Sapa

Du khách sẽ khởi hành đi Sapa từ ga Hải Phòng. Du khách sẽ đi chuyển tàu đêm từ Hải Phòng đi Lào Cai. Du khách sẽ nghỉ đêm trên tàu với khoang giường nằm mềm có điều hòa.

Ngày 2: Sapa – Bản Lao Chải – Bản Tả Van

Du khách sẽ đến ga Lào Cai vào lúc 6 giờ sáng. Xe sẽ đưa du khách đến khách sạn ở thị trấn Sapa. Sau bữa sáng, xe đưa du khách đến bản Lao Chải ở Sapa. Du khách sẽ đi bộ tham quan Bản Lao Chải, ăn trưa cùng với đồng bào. Thường thức một số món ăn truyền thống của người H'mông như thịt trâu khô, thắng cố. Buổi chiều đi thăm quan bản Tả Van, du khách có thể cùng đồng bào dệt vải. Buổi tối giao lưu văn nghệ với các cô gái, chàng trai, cùng ngồi bên bếp lửa uống rượu cần. Du khách sẽ nghỉ tại nhà của người dân.

Ngày 3: Sapa – Núi Hàm Rồng – Lào Cai – Hải Phòng

Sau bữa sáng tại khách sạn, du khách sẽ đi thăm núi Hàm Rồng. Du khách sẽ được chiêm ngưỡng toàn cảnh thị trấn Sapa. Du khách cũng sẽ được thưởng thức những tiết mục ca nhạc đặc sắc của người dân tộc thiểu số ở Sapa. Du khách sẽ dùng bữa trưa tại nhà hàng ở thị trấn Sapa. Buổi chiều quý khách tự do mua sắm ở Sapa. Xe đưa du khách ra Ga Lào Cai. Xe sẽ dừng ở cửa khẩu quốc tế Lào Cai và Hà Khẩu. Du khách dùng bữa tối tại nhà hàng. Du khách sẽ đi chuyến tàu đêm về Hà Nội. tour du lịch Sapa 2 ngày 3 đêm sẽ kết thúc vào sáng sớm hôm sau tại Hải Phòng

Chương trình 2 (thời gian 4 ngày):

Ngày 1: Hải Phòng – Sa Pa

Du khách sẽ khởi hành đi Sapa từ ga Hải Phòng. Du khách sẽ đi chuyến tàu đêm từ Hải Phòng đi Lào Cai. Du khách sẽ nghỉ đêm trên tàu với khoang giường nằm mềm có điều hòa.

Ngày 2: Sa Pa – Bản Lao Chải – Bản Tả Van

Du khách sẽ đến ga Lào Cai vào lúc 6 giờ sáng. Xe sẽ đưa du khách đến khách sạn ở thị trấn Sapa. Sau bữa sáng, xe đưa du khách đến bản Lao Chải ở Sapa. Du khách sẽ đi bộ tham quan Bản Lao Chải, Bản Tả Van ở Sapa. Xe đưa du khách trở lại thị trấn Sapa. Du khách tự do khám phá và thăm quan Sapa. Du khách sẽ dùng bữa tối tại nhà hàng ở Sapa. Du khách nghỉ đêm tại khách sạn ở Sapa.

Ngày 3: Sa Pa – Núi Hàm Rồng – Bản Cát Cát

Sau bữa sáng, du khách sẽ đi thăm núi Hàm Rồng. Du khách sẽ được chiêm ngưỡng toàn cảnh thị trấn Sapa. Du khách cũng sẽ được thưởng thức những tiết mục ca nhạc đặc sắc của người dân tộc thiểu số ở Sapa. Du khách sẽ dùng bữa trưa tại nhà hàng ở thị trấn Sapa tại đây du khách sẽ được thưởng thức các món đặc sản

như cá hồi, thắng cố, rau cải ngồng SaPa... Buổi chiều, du khách sẽ đi thăm bản Cát Cát của người H'mông ở Sapa. Du khách ăn tối tại bản cùng với người dân. Nghỉ đêm tại bản.

Ngày 4: Sa Pa – Thác Bạc – Cổng Trời

Fanxipan tại Sapa. Du khách cũng sẽ đi thăm cổng trời, từ đây du khách được chiêm ngưỡng vẻ đẹp hùng vĩ của đỉnh Fanxipan. Buổi chiều quý khách tự do mua sắm ở Sapa. Xe đưa du khách ra Ga Lào Cai. Xe sẽ dừng ở cửa khẩu quốc tế Lào Cai và Hà Khẩu. Du khách dùng bữa tối tại nhà hàng. Du khách sẽ đi chuyến tàu đêm về Hải Phòng. Tour du lịch Sapa 4 ngày 4 đêm sẽ kết thúc vào sáng hôm sau tại Hải Phòng.

Tiểu kết chương 3

SaPa là mảnh đất chứa đựng nhiều giá trị văn hóa truyền thống. Với nguồn tài nguyên du lịch phong phú như cảnh quan thiên nhiên, lễ hội, văn hóa của các dân tộc thiểu số... tạo nên những sản phẩm du lịch có khả năng thu hút khách cao. Trong đó phải kể đến những giá trị văn hóa của tộc người H'mông, tuy nhiên cho đến nay các giá trị văn hóa này hầu như vẫn ở dạng tiềm năng chưa được khai thác đúng mức để phục vụ phát triển du lịch.

Mặc dù công tác này đang được tiến hành song còn gặp nhiều khó khăn. Vì vậy việc bảo tồn, gìn giữ, khai thác và phát huy các giá trị văn hóa của tộc người H'mông là hết sức cần thiết. Trên cơ sở đó em đã đưa ra một số phương hướng và giải pháp như: xây dựng quy hoạch tổng thể và chi tiết, xây dựng mô hình các làng du lịch văn hóa, xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, tuyên truyền quảng cáo tiếp thị... nhằm bảo tồn, gìn giữ cũng như thu hút khách du lịch biết đến văn hóa tộc người H'mông ở SaPa. Ngoài ra luận văn cũng đưa ra một số tour du lịch giúp khách có thể lựa chọn cho chuyến đi của mình.

KẾT LUẬN

Du lịch Việt Nam trong những năm gần đây đã khẳng định được vai trò của mình trong nền kinh tế quốc dân. Đáp ứng được nhu cầu du lịch của nhân dân trong nước và đón tiếp bạn bè quốc tế đến Việt Nam. Du lịch còn góp phần giới thiệu về đất nước và con người Việt Nam, tăng cường mối quan hệ hợp tác quốc tế với các nước trên thế giới.

Văn hóa trong du lịch, đặc biệt là những yếu tố văn hóa truyền thống vừa là mục tiêu mang tính định hướng, vừa là điều kiện để khẳng định rằng văn hóa chính là nội dung, bản sắc đích thực để du lịch Việt Nam có thể tạo nên các sản phẩm du lịch mang tính độc đáo và đặc sắc để thu hút khách du lịch.

Nhưng cho đến nay các giá trị văn hóa của Sa pa nói chung và của tộc người H'mong nói riêng vẫn chưa được khai thác hết tiềm năng. Đề tài “Tìm hiểu văn hóa tộc người H'mong – Thực trạng và giải pháp khai thác phục vụ phát triển du lịch ở Sa pa” đã đưa ra các vấn đề:

- Đưa ra các định nghĩa về du lịch, văn hóa, du lịch văn hóa và mối quan hệ giữa du lịch và văn hóa. Ngoài ra luận văn cũng đưa ra một số định hướng và giải pháp phát triển du lịch Việt Nam bền vững trên lĩnh vực văn hóa.
 - Khóa luận đã nêu ra một cách khái quát về huyện Sa Pa, tiềm năng phát triển du lịch văn hóa tộc người H'mong ở Sa Pa, thực trạng khai thác văn hóa tộc người H'mong ở Sa Pa. Tộc người H'mông có rất nhiều nét đẹp văn hóa có thể đưa vào khai thác trong du lịch, tuy nhiên hoạt động du lịch văn hóa tộc người ở đây phát triển vẫn chưa tương xứng với tiềm năng.
 - Trên cơ sở những thực trạng còn tồn tại trong quá trình khai thác văn hóa tộc người H'mông vào phát triển du lịch, khóa luận đã nêu ra một số giải pháp nhằm phát triển du lịch văn hóa tộc người H'mong ở Sa pa.
- + Xây dựng quy hoạch tổng thể và chi tiết phát triển văn hóa tộc người H'mông
+ Phát triển du lịch bền vững ở SaPa phải xây dựng và thực thi chính sách nhằm nâng cao vai trò của cộng đồng địa phương

- + Xây dựng mô hình các làng du lịch văn hóa
- + Thu hút đầu tư du lịch
- + Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, dịch vụ du lịch
- + Tuyên truyền quảng cáo tiếp thị du lịch

Khóa luận của em thực hiện với mong muốn đóng góp ý kiến của mình trong việc khai thác phát triển du lịch văn hóa tộc người H'mong và phát triển du lịch huyện Sa Pa – Lào Cai. Bài làm của em dựa trên cơ sở những kiến thức đã học tại trường, các tài liệu thu thập được qua sách báo và những quan sát thực tế. Với những kiến thức và kinh nghiệm còn có hạn nên bài viết của em còn nhiều hạn chế nên em mong nhận được sự đóng góp của các thầy cô và các bạn để bài viết của em được hoàn thiện hơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trần Đức Thanh: “ Nhập môn khoa học du lịch” - NXB Đại học Quốc Gia Hà Nội.
2. PGS Trần Ngọc Thêm: “ Cơ sở văn hóa Việt Nam”, 1999 NXB Giáo dục
3. Bài giảng Phong tục tập quán Việt Nam- Ts Tạ Minh năm 2008
4. Báo Lào Cai
5. Lịch sử Người Mèo – Tư liệu viện Dân Tộc Học – Hà Nội
6. Sở Văn hóa – Thông tin Lào Cai
7. Trang web: [www. Du lịch Lào Cai.com](http://www.Du lịch Lào Cai.com)

PHỤ LỤC

Phiếu điều tra

Cảm nhận của du khách đối với giá trị tài nguyên du lịch Huyện Sapa.

Chào mừng quý khách đến với du lịch SaPa.

Trân trọng đề nghị quý khách giúp đỡ chúng tôi với các thông tin sau!

Xin quý khách vui lòng tích vào ô trống có sự lựa chọn của quý khách:

1. Mục đích chính của quý khách khi đến SaPa là gì?

- | | |
|-----------------------------------------------|--------------------------------------------|
| <input type="checkbox"/> Tham quan nghỉ dưỡng | <input type="checkbox"/> Kinh doanh |
| <input type="checkbox"/> Thăm bạn bè | <input type="checkbox"/> Hội nghị, hội họp |
| <input type="checkbox"/> Nghiên cứu | <input type="checkbox"/> Mục đích khác |

2. Quý khách dự định ở Sa Pa trong bao nhiêu lâu?

- | | |
|--------------------------------|-------------------------------|
| <input type="checkbox"/> Ngày | <input type="checkbox"/> Tuần |
| <input type="checkbox"/> Tháng | <input type="checkbox"/> Năm |

3. Đây là lần đầu tiên quý khách đến Sa Pa phải không?

- | | |
|-------------------------------|------------------------------|
| <input type="checkbox"/> Đúng | <input type="checkbox"/> Sai |
|-------------------------------|------------------------------|

4. Tại sao quý khách lại chọn Sa Pa là điểm tham quan?

- | | |
|-------------------------------------------|---------------------------------------------------|
| <input type="checkbox"/> Có cảnh quan đẹp | <input type="checkbox"/> Có nhiều di tích lịch sử |
| <input type="checkbox"/> Lý do khác | |

5. Quý khách tham quan các giá trị tài nguyên nào của huyện Sa Pa

- | | |
|------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|
| <input type="checkbox"/> Tài nguyên du lịch tự nhiên | <input type="checkbox"/> Các giá trị văn hóa tộc người |
| <input type="checkbox"/> Tài nguyên du lịch nhân văn | <input type="checkbox"/> Tất cả các tài nguyên trên |

6. Quý khách đánh giá thế nào về môi trường du lịch huyện Sa Pa

- | | |
|----------------------------------------|-----------------------------------------------------|
| <input type="checkbox"/> Rất sạch, đẹp | <input type="checkbox"/> Đang có nguy cơ bị ô nhiễm |
|----------------------------------------|-----------------------------------------------------|

Mới bị ô nhiễm

Ô nhiễm

7. Quý khách đánh giá thế nào về tài nguyên du lịch huyện Sa Pa?

Rất đẹp

Khá đẹp

Trung bình

Kém

8. Quý khách đánh giá thế nào về cơ sở vật chất tại huyện Sa pa

Rất tốt

Khá tốt

Trung bình

Kém

9. Những bất lợi của quý khách khi tham gia tìm hiểu giá trị tài nguyên du lịch tại huyện Sa Pa?

.....
.....
.....

10. Nhận xét chung về tài nguyên du lịch những nơi mà quý khách đã đến tại huyện Sa Pa?

.....
.....
.....

11. Quý khách so sánh chuyến đi này như thế nào so với mong đợi của mình?

Vượt xa mong đợi

Tốt hơn mong đợi

Như mong đợi

Thất vọng

12. Xin quý khách vui lòng cho biết thêm một số thông tin cá nhân?

Quốc tịch.....

Nghề nghiệp.....

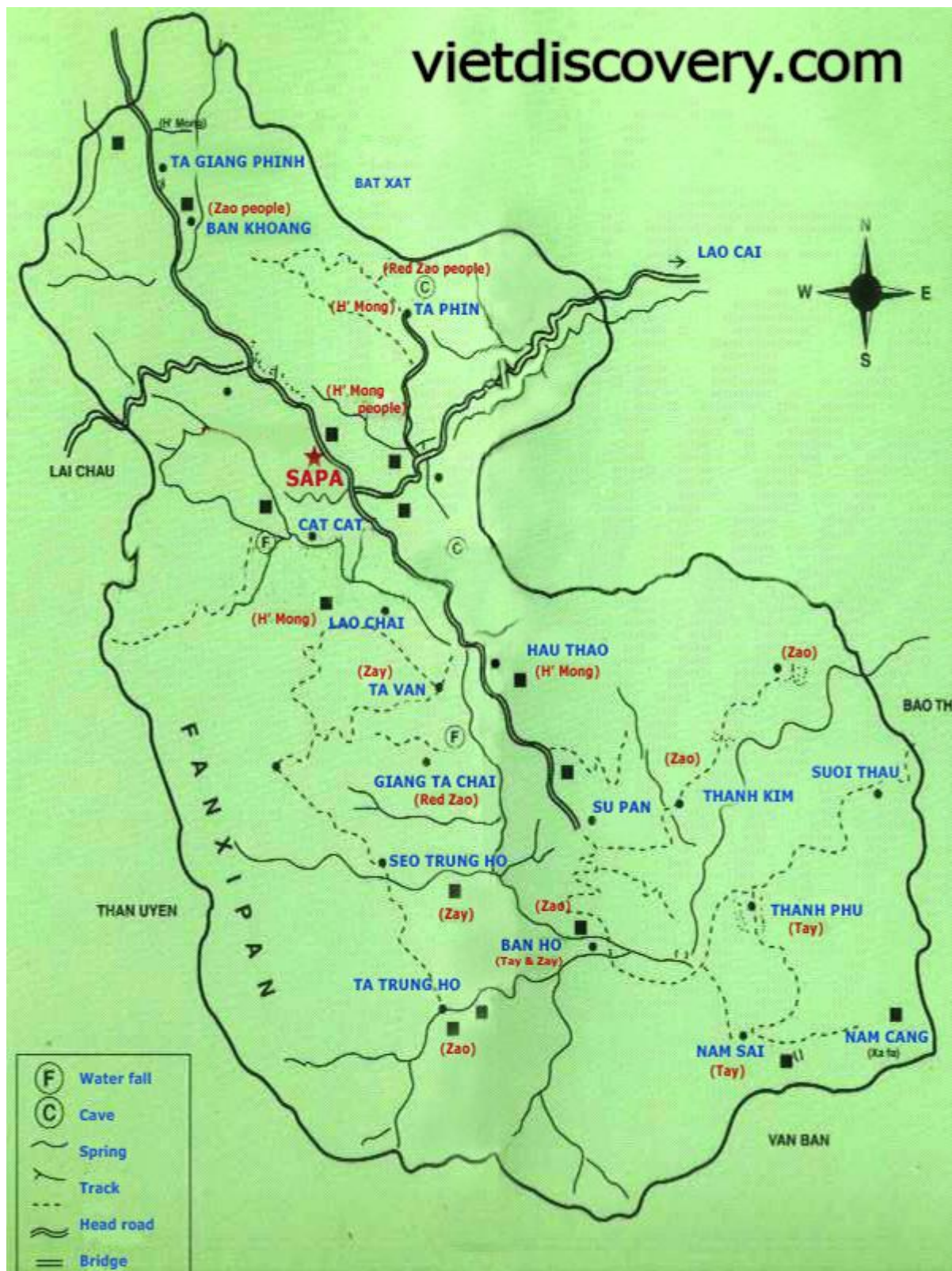
Tuổi.....

Giới tính: Nam Nữ

Xin chân thành cảm ơn Quý khách đã cung cấp những thông tin hữu ích trên.

Chúc quý khách một chuyến đi vui vẻ!

BẢN ĐỒ HUYỆN SA PA TỈNH LÀO CAI





SaPa



Chợ SaPa



Thiếu nữ H'mông



Chợ tình SaPa



Xôi ngũ sắc



Thắng Cồ



Hội Gầu Tào



Trang phục của các thiếu nữ H'mông

